

Số: **336/BC-UBND**

Hà Nội, ngày **24** tháng 11 năm 2017

BÁO CÁO
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2018 CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Kính gửi: Hội đồng nhân dân Thành phố.

Căn cứ Luật Đầu tư công, Chỉ thị số 29/CT-TTg ngày 05/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018; Quyết định số 547/QĐ-TTg ngày 20/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 572/QĐ-TTg ngày 20/4/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020; Công văn số 8759/BKHĐT-TH ngày 25/10/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về dự kiến phân bổ kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2018, UBND Thành phố báo cáo HĐND Thành phố về Kế hoạch đầu tư công năm 2018 của cấp Thành phố như sau:

Phần I

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2017

I. Tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công đến 15/11/2017, ước thực hiện cả năm 2017

1. Kế hoạch vốn đầu tư năm 2017 đã giao

Kế hoạch vốn đầu tư năm 2017 của Thành phố Hà Nội giao đầu năm là 33.448,22 tỷ đồng, giao bổ sung trong năm là 2.734,5 tỷ đồng, tổng cộng vốn giao đến nay là 36.182,72 tỷ đồng (nếu không bao gồm vốn cho các quỹ, hoàn ứng và chi trả nợ thì kế hoạch vốn đầu tư năm 2017 là 28.561,6 tỷ đồng), trong đó vốn ODA là 4.264,07 tỷ đồng (bao gồm cả 1.700 tỷ đồng vốn vay lại), vốn trong nước là 31.918,65 tỷ đồng; cụ thể như sau:

(1) Vốn cho các quỹ, hoàn ứng, chi trả nợ: 7.601,12 tỷ đồng.

(2) Vốn phân bổ cho 152 dự án đầu tư XDCB tập trung của Thành phố: 15.061,85 tỷ đồng, trong đó vốn ODA là 4.264,07 tỷ đồng, vốn trong nước là 10.797,77 tỷ đồng.

* 15 công trình trọng điểm: 8.346,66 tỷ đồng, trong đó vốn ODA là 3.970,63 tỷ đồng, vốn trong nước là 4.376,03 tỷ đồng.

(3) Chương trình đầu tư (Mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới và Mục tiêu Thành phố về giảm thiểu ùn tắc giao thông): 1.284,8 tỷ đồng.

(4) Ngân sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu: 84,05 tỷ đồng.

(5) Vốn Xổ số kiến thiết Thủ đô: 190 tỷ đồng.

(6) Ngân sách Thành phố hỗ trợ có mục tiêu và hỗ trợ đặc thù cho cấp huyện: 1.903,8 tỷ đồng.

(7) Vốn phân cấp cho ngân sách cấp huyện: 8.550,85 tỷ đồng.

2. Kết quả thực hiện

2.1. Tổ chức chỉ đạo thực hiện:

- Năm 2017, cùng với việc triển khai Kế hoạch kinh tế - xã hội, Thành phố và các quận, huyện, sở, ngành đã thực hiện giao Kế hoạch đầu tư công sớm ngay từ đầu tháng 12/2016. Việc phân bổ và giao kế hoạch đầu tư công đã được thực hiện theo đúng quy định, chỉ đạo của HĐND và UBND Thành phố.

- Việc phân bổ kế hoạch và điều hành ngân sách đầu tư công có nhiều tiến bộ. Thành phố đã tập trung nguồn lực giải quyết các dự án cấp bách, bức xúc, các công trình trọng điểm góp phần hoàn thành các nhiệm vụ, mục tiêu đã được UBND Thành phố giao.

- Trong bối cảnh nguồn lực rất khó khăn trong khi nhu cầu đầu tư rất lớn, Thành phố luôn chủ động, điều hành linh hoạt, sáng tạo: Tháo gỡ khó khăn trong thực hiện chính sách GPMB; áp dụng cơ chế chi trả bồi thường, hỗ trợ theo phương án GPMB được duyệt mà không phụ thuộc vào mức vốn kế hoạch bố trí cho dự án; kịp thời đưa ra các giải pháp điều chuyển nguồn ngân sách linh hoạt, đảm bảo đủ vốn GPMB cho các dự án XD CB... tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các dự án triển khai đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng.

- UBND Thành phố đã chỉ đạo, điều hành, định kỳ hàng quý họp đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2017 và có các văn bản đôn đốc, thực hiện kiểm tra tiến độ hiện trường để có biện pháp kịp thời giải quyết ngay các khó khăn vướng mắc phát sinh.

- Tổ chức báo cáo theo kế hoạch giám sát của HĐND Thành phố về tình hình giao kế hoạch, giám sát chuyên đề về công tác đầu tư XD CB.

- Công tác phối hợp thực hiện các công trình Trung ương trên địa bàn đã có sự chỉ đạo quyết liệt, cơ bản đã tháo gỡ các khó khăn vướng mắc chính để tạo điều kiện bàn giao mặt bằng cho đơn vị thi công.

2.2. Kết quả thực hiện giải ngân đến 15/11/2017

Tính đến 15/11/2017, tổng giá trị giải ngân vốn kế hoạch đầu tư của toàn Thành phố được 22.316,26 tỷ đồng, đạt 61,68% KH đã giao và bằng 66,6% KH đầu năm, trong đó:

(1) Giải ngân vốn cho các quỹ, hoàn ứng, chi trả nợ: 4.179,58 tỷ đồng/KH 7.601,12 tỷ đồng, đạt 55% kế hoạch.

(2) Giải ngân vốn phân bổ dự án đầu tư XD CB tập trung của Thành phố: 8.293,21 tỷ đồng/KH 15.061,85 tỷ đồng, bằng 55,10% kế hoạch, trong đó vốn ODA là 3.097,26 tỷ đồng/KH 4.264,07 tỷ đồng, bằng 72,6% kế hoạch; vốn trong nước là 5.195,91 tỷ đồng/KH 10.797,77 tỷ đồng, bằng 48,10% kế hoạch.

(3) Giải ngân vốn Chương trình đầu tư: 910,43 tỷ đồng/KH 1.284,8 tỷ đồng, bằng 70,86% kế hoạch.

(4) Giải ngân vốn Ngân sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu: 84,05 tỷ đồng/KH 84,05 tỷ đồng, bằng 100% kế hoạch.

(5) Giải ngân vốn Xổ số kiến thiết thủ đô: 133,50 tỷ đồng/KH 190 tỷ đồng, bằng 70,3% kế hoạch.

(6) Giải ngân vốn Ngân sách Thành phố hỗ trợ có mục tiêu và hỗ trợ đặc thù cho cấp huyện: 1.222,32 tỷ đồng/KH 1.903,8 tỷ đồng, bằng 62,4% kế hoạch.

(7) Giải ngân vốn phân cấp cho ngân sách cấp huyện: 7.464,77 tỷ đồng/KH 8.550,85 tỷ đồng, bằng 87,3% kế hoạch.

* Ước giải ngân năm 2017 đạt trên 90% vốn kế hoạch giao.

2.3. Kết quả tiến độ thực hiện các dự án

a) Vốn XD CB tập trung cấp Thành phố

Tổng số dự án giao kế hoạch vốn là 152 dự án; số dự án được bố trí vốn kế hoạch để hoàn thành năm 2017 là 95 dự án; dự kiến hoàn thành là 80 dự án, số còn lại chuyển tiếp sang năm 2018 để tiếp tục thực hiện, cụ thể:

a1) Các công trình trọng điểm:

Năm 2017, Thành phố tập trung bố trí vốn đầu tư 15 dự án/công trình trọng điểm. Đến nay, đã hoàn thành đưa vào sử dụng 01 công trình (cầu vượt nút giao Cổ Linh); 02 dự án đang được tích cực triển khai để hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng đầu năm 2018: Dự án nâng cấp Bệnh viện Thanh Nhàn - Giai đoạn 2; dự án nâng cấp Bệnh viện phụ sản Hà Nội. Đã gấp rút hoàn thiện các thủ tục đầu tư để khởi công công trình cầu vượt tại nút giao An Dương – đường Thanh Niên.

a2) Các dự án ngoài trọng điểm: Năm 2017 thành phố bố trí vốn để thực hiện đầu tư 137 dự án, dự kiến hoàn thành 79 công trình/dự án thuộc nhiệm vụ chi đầu tư của Thành phố, trong đó:

- Khối Hạ tầng đô thị hoàn thành 21 dự án, góp phần tăng thêm 4,7km đường giao thông; 28,4km đường giao thông được nâng cấp, cải tạo; 5 cầu vượt sông; hoàn thành các hạng mục dở dang của dự án hạ tầng kỹ thuật xung quanh Hồ Tây.

- Khối dự án sử dụng nguồn vốn ODA triển khai hoàn thành 04 dự án, gồm: Dự án phát triển giao thông đô thị; dự án xây dựng và cải tạo 3 trạm bơm thoát nước Đồng Bông 1, 2 và Cổ Nhuế khu vực phía Tây Hà Nội (góp phần giảm ứng ngập cho khu vực phía Tây thành phố Hà Nội); dự án thoát nước nhằm cải thiện môi trường Hà Nội - dự án II và dự án Trường cao đẳng nghề Việt Nam - Hàn Quốc.

- Khối Văn hóa xã hội hoàn thành 18 dự án, gồm 08 trường học (năng lực tăng thêm 194 phòng học), 04 bệnh viện, 01 trung tâm y tế, 01 phòng khám y tế, 01 trạm y tế, 02 trường dạy nghề...

- Khối Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoàn thành 24 dự án, gồm: 01 khu nuôi trồng thủy sản tập trung với diện tích trên 93 ha; 01 công trình quản lý và PCCC rừng huyện Sóc Sơn; 7 công trình cứng hóa cơ đê, cải tạo nâng cấp mặt đê, xử lý chống sạt lở với tổng chiều dài 43,9 km; 15 công trình thủy lợi với hơn 42 km kênh, mương các loại được cải tạo, nâng cấp

- Khối báo, đài, khoa học công nghệ, thông tin truyền thông hoàn thành 02 dự án (Chuyển đổi công nghệ số hóa sản xuất - phát sóng truyền hình Đài Phát thanh và truyền hình Hà nội giai đoạn 2013-2015); dự án tăng cường năng lực của

Viện KHCN và Kinh tế xây dựng Hà Nội nhằm nâng cao năng lực kiểm định chất lượng công trình xây dựng cho Hà Nội và Vùng Thủ đô.

- Khối an ninh, quốc phòng, PCCC, nội chính hoàn thành 10 dự án.

b) Chương trình mục tiêu giảm thiểu ùn tắc giao thông: Hoàn thành 01 dự án (cầu Mộc).

c) *Dự án thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp huyện được ngân sách Thành phố hỗ trợ có mục tiêu:* Tổng số kế hoạch 2017 Thành phố hỗ trợ quận, huyện và thị xã là 1.319,56 tỷ đồng, phân bổ cho 96 dự án. Năm 2017, các huyện, thị xã thực hiện hoàn thành bàn giao đưa vào khai thác sử dụng 75 dự án, trong đó: 45 dự án đường giao thông nông thôn với 148,5km được xây mới, cải tạo, nâng cấp đưa vào lưu thông, 25 trường học được đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp nhằm tiến tới đạt chuẩn quốc gia, 2 trụ sở cấp xã, 3 công trình văn hóa. Các công trình hoàn thành bàn giao đưa vào khai thác sử dụng phát huy hiệu quả vốn đầu tư, góp phần nâng tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia theo chỉ đạo của Thành phố, nâng tỷ lệ tiêu chí cho các xã đạt chuẩn nông thôn mới và thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương.

3. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân:

- Đầu năm 2017, thành phố Hà Nội thực hiện công tác sắp xếp tổ chức bộ máy của các Ban QLDA nên phải tập trung rà soát, chuyển chủ đầu tư từ các Sở, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập của Thành phố về các Ban quản lý dự án chuyên ngành Thành phố.

- Thời gian qua, Thành phố đã thực hiện cơ chế giao nhiệm vụ và trách nhiệm rõ ràng cho UBND quận, huyện, thị xã thực hiện GPMB nên tiến độ có sự đột phá. Tuy nhiên, một số dự án vẫn còn vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng, chủ yếu là vướng mắc trong khâu xác định nguồn gốc đất do lịch sử để lại, hoặc có kiến nghị về chính sách bồi thường hỗ trợ và tái định cư của người bị thu hồi đất; một bộ phận người dân còn chưa đồng thuận và hợp tác với chính quyền trong việc GPMB.

- Năng lực tổ chức quản lý dự án của một số chủ đầu tư và Ban QLDA còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu, nhất là quá trình xử lý hợp đồng quốc tế, đấu thầu quốc tế còn nhiều bất cập so với quy định trong nước nên quá trình xử lý mất nhiều thời gian làm ảnh hưởng tới tiến độ dự án. Trong thực hiện đầu tư xây dựng của một số chủ đầu tư còn thiếu quyết liệt.

- Các dự án sử dụng nguồn vốn ODA được thực hiện từ nhiều nguồn vốn của các nhà tài trợ khác nhau nên quá trình triển khai phải xin ý kiến của nhà tài trợ dẫn tới việc kéo dài thời gian; thủ tục phê duyệt bổ sung vốn ODA kéo dài làm ảnh hưởng đến tiến độ lựa chọn nhà thầu và giải ngân các gói thầu.

4. Một số nội dung cần quan tâm chỉ đạo thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2017 trong tháng cuối năm:

- Tập trung chỉ đạo thực hiện Kế hoạch đầu tư công sau khi điều chỉnh, đảm bảo giải ngân cao nhất kế hoạch đầu tư công năm 2017, hạn chế thấp nhất việc kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2018.

- Đôn đốc tiến độ để đảm bảo hoàn thành các dự án theo tiến độ, nhất là các công trình trọng điểm. Tăng cường công tác quản lý đầu tư, không để phát sinh nợ đọng XDDB mới.

Phần II

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG CẤP THÀNH PHỐ NĂM 2018

I. Khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công năm 2018

Theo Văn bản số 8759/BKHĐT-TH ngày 25/10/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về dự kiến phân bổ kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2018, khả năng cân đối ngân sách Thành phố, nguồn vốn đầu tư phát triển năm 2018 của cấp Thành phố là **28.665,722 tỷ đồng**, bao gồm:

- Vốn đầu tư phát triển cân đối NSDP là 25.510,95 tỷ đồng, gồm:
 - + Vốn đầu tư XD CB tập trung trong cân đối là 9.308,45 tỷ đồng;
 - + Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất là 16.202,5 tỷ đồng.
- Vốn bổ sung có mục tiêu từ NSTW là 1.599,87 tỷ đồng, gồm:
 - + Vốn trong nước đầu tư theo các chương trình mục tiêu là 303,264 tỷ đồng;
 - + Vốn nước ngoài (ODA) là 1.296,608 tỷ đồng.
- Vốn đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết là 342 tỷ đồng.
- Vốn nước ngoài (ODA) do Thành phố vay lại: 1.219,9 tỷ đồng.

II. Mục tiêu, định hướng, nguyên tắc bố trí vốn kế hoạch đầu tư công năm 2018

1. *Mục tiêu, định hướng:* Thực hiện theo đúng mục tiêu, định hướng đầu tư công trung hạn Thành phố giai đoạn 2016-2020 đã được HĐND Thành phố quyết nghị tại Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 06/12/2016.

2. *Nguyên tắc phân bổ và thứ tự ưu tiên phân bổ vốn*

Thực hiện tuân thủ quy định của Luật Đầu tư công và nguyên tắc phân bổ, thứ tự ưu tiên phân bổ vốn ngân sách Thành phố giai đoạn 2016-2020 đã được HĐND Thành phố quyết nghị tại Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 06/12/2016.

Năm 2018, với nguồn vốn đầu tư công tăng thêm so với dự kiến trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020 (khoảng 4.200 tỷ đồng), UBND Thành phố chỉ đạo xây dựng phương án trình HĐND Thành phố theo hướng tập trung bố trí vốn cho các dự án trọng điểm của Thành phố, các dự án chuyển tiếp để đẩy nhanh tiến độ, sớm hoàn thành đưa vào sử dụng, phát huy hiệu quả đầu tư.

III. Phương án phân bổ kế hoạch năm 2018

Tổng vốn đầu tư phát triển của cấp Thành phố là **28.665,722 tỷ đồng**, gồm vốn ODA theo thông báo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số 8759/BKHĐT-TH ngày 25/10/2017 là 1.296,608 tỷ đồng, vốn ODA vay lại là 1.212,90 tỷ đồng, vốn Trung ương trong nước đầu tư theo các chương trình mục tiêu 303,264 tỷ đồng, vốn ngân sách Thành phố là 25.510,95 tỷ đồng và được phân bổ thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu, yêu cầu cụ thể như sau:

1. **Cân đối bố trí cho nhiệm vụ đầu tư phát triển không theo quy định của Luật Đầu tư công là 5.939,264 tỷ đồng (chiếm 20,7% tổng vốn đầu tư phát triển năm 2018 của Thành phố)**, bao gồm:

(1) Bổ sung vốn cho Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố (quỹ phát triển đất) là 500 tỷ đồng.

(2) Hoàn trả vốn ứng cho Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố (quỹ đầu tư phát triển 548 tỷ đồng; quỹ phát triển đất 800 tỷ đồng) là 1.348 tỷ đồng.

(3) Ghi thu ghi chi vốn đầu tư cho các dự án BT là 3.000 tỷ đồng.

(4) Bổ sung vốn ủy thác Ngân hàng chính sách xã hội cho vay giải quyết việc làm (250 tỷ đồng) và cho vay sửa chữa nhà ở cho người nghèo (50 tỷ đồng) là 300 tỷ đồng.

(5) Bổ sung vốn cho Quỹ hỗ trợ nông dân là 30 tỷ đồng.

(6) Chi đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp là 250 tỷ đồng.

(7) Chi đầu tư trở lại từ tiền nhà, đất và hoàn trả kinh phí GPMB đối với các dự án xã hội hóa là 250 tỷ đồng.

(8) Hỗ trợ nhà ở cho người có công với cách mạng theo QĐ 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ là 161,264 tỷ đồng (vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu).

(9) Hỗ trợ địa phương bạn là 100 tỷ đồng.

2. Bố trí vốn thực hiện các chương trình, dự án theo quy định của Luật Đầu tư công là 22.726,458 tỷ đồng (chiếm 79,3% tổng vốn đầu tư phát triển năm 2018 của Thành phố), trong đó:

2.1. Bố trí nguồn vốn thu hồi ứng trước, vốn thanh quyết toán và dự phòng là 2.292 tỷ đồng, cụ thể:

- Bố trí thu hồi các khoản ứng trước đến hết Kế hoạch năm 2017 chưa bố trí nguồn để thu hồi: 142 tỷ đồng.

- Vốn thanh quyết toán công trình hoàn thành là 150 tỷ đồng.

- Dự phòng: 2.000 tỷ đồng.

2.2. Vốn phân bổ cho các dự án đầu tư XDCB tập trung của Thành phố, thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và Thành phố, hỗ trợ có mục tiêu cho cấp huyện là 20.434,458 tỷ đồng (chiếm 71,3% tổng vốn đầu tư công năm 2018 của Thành phố), bao gồm:

a) Các dự án XDCB tập trung của Thành phố:

Ngân sách Thành phố cân đối bố trí 16.159,56 tỷ đồng (chiếm 56,4% tổng vốn đầu tư công năm 2018 của Thành phố), trong đó vốn trong nước là 13.650,05 tỷ đồng, vốn ngoài nước là 2.509,51 tỷ đồng (vốn ODA do Thành phố vay lại là 1.212,90 tỷ đồng), riêng vốn ngân sách Thành phố bố trí 9.268,696 tỷ đồng (chiếm 32,3%) cho 14 công trình trọng điểm của Thành phố.

- Tổng vốn dự kiến cân đối bố trí cho 114 dự án thuộc 7 khối, lĩnh vực là 16.009,558 tỷ đồng (13.821,058 tỷ đồng bố trí cho 74 dự án chuyển tiếp và 2.188,5 tỷ đồng bố trí cho 40 dự án khởi công mới); cụ thể phân bổ kế hoạch vốn cho các dự án thuộc các khối, lĩnh vực như sau:

(1) Khối Hạ tầng đô thị: 4.855,5 tỷ đồng (chiếm 16,9% tổng vốn đầu tư công năm 2018 của Thành phố) cho 53 dự án, gồm 41 dự án chuyển tiếp, 12 dự án

khởi công mới năm 2018. Trong đó ứng vốn ngân sách Thành phố để triển khai thực hiện dự án Xây dựng đường vành đai 3,5 các đoạn Km0+600-Km1+700; Km2+050-Km2+550; Km3+340-Km5+500) trên địa bàn huyện Hoài Đức, cụ thể như sau:

Dự án này thuộc danh mục công trình trọng điểm giai đoạn 2016-2020 của Thành phố và đã nằm trong Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 06/12/2016 của HĐND Thành phố (trong danh mục dự án khởi công năm 2016). Theo Quyết định phê duyệt dự án đầu tư thì nguồn vốn của dự án từ kinh phí thu lại theo cơ chế trước đây các chủ đầu tư đã được đổi trừ từ tiền sử dụng đất phải nộp kết hợp từ nguồn thu đấu giá đất trên địa bàn Huyện.

Tuy nhiên, hiện nay khả năng cân đối nguồn vốn ngân sách huyện Hoài Đức để triển khai thực hiện dự án còn khó khăn. Vì vậy, để đảm bảo tiến độ thực hiện công trình trọng điểm của Thành phố cũng như phục vụ Đề án đầu tư, xây dựng huyện Hoài Đức thành Quận vào năm 2020, UBND Thành phố báo cáo HĐND Thành phố cho phép sử dụng ngân sách Thành phố ứng trước để chủ đầu tư triển khai thực hiện hoàn thành dự án với số kinh phí là 900 tỷ đồng, trong đó năm 2018 là 700 tỷ đồng. UBND huyện Hoài Đức có trách nhiệm hoàn trả phần vốn ngân sách Thành phố ứng.

(2) *Khối ODA*: 5.475,008 tỷ đồng (*chiếm 19,1%*; trong đó vốn ODA là 2.509,51 tỷ đồng) cho 8 dự án chuyển tiếp.

(3) *Khối Văn xã*: 1.182 tỷ đồng (*chiếm 4,1%*) cho 15 dự án, trong đó 9 dự án chuyển tiếp, 6 dự án khởi công mới năm 2018.

(4) *Khối Công nghiệp*: 132 tỷ đồng (*chiếm 0,5%*) cho 7 dự án, trong đó 5 dự án chuyển tiếp, 02 dự án khởi công mới năm 2018.

(5) *Khối Nông nghiệp*: 3.537,050 tỷ đồng (*chiếm 12,3%*) cho 24 dự án, trong đó 8 dự án chuyển tiếp, 16 dự án khởi công mới năm 2018.

(6) *Khối Khoa học công nghệ - Công nghệ thông tin - Truyền thông*: 150 tỷ đồng (*chiếm 0,5%*) cho 01 dự án chuyển tiếp.

(7) *Khối An ninh - quốc phòng - phòng cháy chữa cháy - Tư pháp - Nội chính*: 678 tỷ đồng (*chiếm 2,4%*) cho 06 dự án, trong đó 02 dự án chuyển tiếp, 04 dự án khởi công mới năm 2018.

- Tiếp tục cân đối bố trí 150 tỷ đồng vốn chuẩn bị đầu tư cho các dự án XDCEB tập trung của Thành phố, cho các dự án thực hiện theo hình thức PPP (BT, BOT,...) để lập, thẩm định, quyết định chủ trương, lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư trong năm 2018. Thực hiện cơ chế thanh toán linh hoạt chi phí công tác chuẩn bị đầu tư trong tổng nguồn vốn giao cho công tác này theo dự toán được duyệt và không phụ thuộc mức vốn giao của từng dự án.

b) *Vốn bố trí cho 03 danh mục dự án bổ sung danh mục kế hoạch trung hạn 2016-2020 là 35,8 tỷ đồng.*

c) *Vốn bố trí cho CTMTQG về Xây dựng nông thôn mới và CTMT Thành phố về Giảm thiểu ùn tắc giao thông: 1.041,60 tỷ đồng (chiếm 3,5% tổng vốn đầu tư công năm 2018 của Thành phố), cụ thể:*

- CTMTQG Xây dựng nông thôn mới (từ năm 2017 lồng ghép Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi của Thủ đô vào CTMT Xây dựng nông thôn mới) là 979,10 tỷ đồng, bao gồm 110 tỷ đồng hỗ trợ 22 xã và 60 tỷ đồng hỗ trợ 2 huyện (Mê Linh và Quốc Oai) đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới; 709,10 tỷ đồng hỗ trợ kiên cố hóa thủy lợi nội đồng, giao thông thôn xóm cho 15 huyện và thị xã; 100 tỷ đồng bố trí để hoàn thành 7 dự án chuyển tiếp thuộc Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi của Thủ đô.

- CTMT Thành phố Giảm thiểu ùn tắc giao thông: Cân đối bố trí 62,5 tỷ đồng để hoàn thành 01 dự án trọng điểm chuyển tiếp từ năm 2017 và 02 dự án khởi công mới trong năm 2018.

d) Về hỗ trợ có mục tiêu cho các huyện, thị xã: Kế hoạch năm 2018, ngân sách Thành phố cân đối bố trí là 1.818,5 tỷ đồng (chiếm 6,3% tổng vốn đầu tư công năm 2018 của Thành phố), cụ thể:

- Hỗ trợ có mục tiêu cho 18 huyện và thị xã theo Nghị quyết số 08/2015/NQ-HĐND của HĐND Thành phố 1.476,5 tỷ đồng thực hiện 77 dự án có ý nghĩa phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn, trong đó có 03 đơn vị (Chương Mỹ, Phúc Thọ, Thạch Thất) đề xuất điều chỉnh phương án bố trí kế hoạch 2018 so với dự kiến trong Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 03/7/2017 của HĐND Thành phố. UBND Thành phố đã báo cáo cụ thể tại Báo cáo hoàn thiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020. Kính đề nghị HĐND Thành phố chấp thuận phân bổ kế hoạch 2018 theo phương án trên.

- Hỗ trợ một số huyện 342 tỷ đồng từ nguồn vốn Xổ số kiến thiết Thủ đô để xây dựng 10 dự án chuyển tiếp và 16 dự án mới về trường học, trạm y tế (dự kiến sẽ hoàn thành 19 dự án trong năm 2018). Nguồn vốn Xổ số năm 2018 tăng thêm so với dự kiến tại Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 03/7/2017 của HĐND Thành phố là 152 tỷ đồng. UBND Thành phố đề nghị HĐND Thành phố chấp thuận phân bổ vốn cho các dự án trong danh mục giai đoạn 2018-2020 đã được HĐND quyết nghị đủ thủ tục đầu tư theo quy định để tập trung triển khai, sớm hoàn thành, đưa công trình vào khai thác sử dụng.

e) Bố trí vốn thực hiện 06 dự án theo cơ chế đặc thù của 3 quận (Cầu Giấy, Long Biên và Hoàng Mai): 1.379 tỷ đồng.

Như vậy, theo phương án bố trí kế hoạch nêu trên thì năm 2018 sẽ có 165/236 dự án được đầu tư hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng, trong đó hoàn thành 88/126 dự án xây dựng cơ bản tập trung cấp Thành phố, 77/110 dự án cấp huyện được NSTP hỗ trợ đầu tư.

(chi tiết tại các phụ lục từ 01-07 kèm theo)

IV. Một số giải pháp trong xây dựng và điều hành kế hoạch năm 2018

Để tăng cường công tác quản lý đầu tư từ ngân sách nhà nước, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và đảm bảo các công trình, dự án đầu tư thực hiện đạt yêu cầu về kỹ thuật, chất lượng và tiến độ đề ra; thực hiện kế hoạch năm 2018 có hiệu quả, tập trung triển khai thực hiện một số giải pháp sau:

1. Từng bước điều chỉnh cơ cấu đầu tư

- Cơ cấu lại việc đầu tư các dự án: chuyển các dự án có khả năng thu hồi vốn, có thu phí dịch vụ đã phê duyệt từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước sang đầu tư theo hướng xã hội hóa, BOT, BOO và các hình thức PPP như: cấp nước, bãi đỗ xe, xử lý chất thải... đồng thời xây dựng chính sách hỗ trợ theo hướng hỗ trợ giải phóng mặt bằng, lãi suất vay đầu tư để huy động các thành phần kinh tế tham gia đầu tư, giảm nguồn chi ngân sách.

- Tiếp tục thực hiện các dự án BT đã có chủ trương đầu tư qua rà soát các dự án đã được phê duyệt.

- Việc đầu tư trọng tâm trọng điểm, tránh dàn trải để danh mục công trình được ghi Kế hoạch sớm hoàn thành, đảm bảo chất lượng và sớm đưa vào sử dụng, phát huy hiệu quả, tránh thất thoát lãng phí.

2. Kiểm soát chặt chẽ việc lập, thẩm định, phê duyệt các dự án đầu tư

- Thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư theo đúng quy định của Luật Đầu tư công: Quá trình thẩm định và phê duyệt cần rà soát kỹ sự cần thiết, quy mô từng hạng mục dự án, đảm bảo tiết kiệm hiệu quả, phù hợp với khả năng nguồn vốn.

- Rà soát lại các dự án đã phê duyệt, kể cả dự án chuyển tiếp theo hướng cắt bỏ, giảm vốn các nội dung, hạng mục chưa thực sự cần thiết, có thể đầu tư khi có điều kiện về nguồn vốn.

3. Nâng cao chất lượng công tác đấu thầu, giám sát đánh giá đầu tư:

- Thực hiện đấu thầu rộng rãi, công khai, minh bạch, đúng quy trình, thủ tục quy định của Luật Đấu thầu để lựa chọn nhà thầu đủ năng lực, kinh nghiệm triển khai thực hiện dự án đảm bảo chất lượng, tiến độ, sớm đưa công trình vào khai thác sử dụng, phát huy hiệu quả đầu tư.

- Tăng cường công tác giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định; thực hiện tốt công tác giám sát cộng đồng; xử lý theo chế tài của Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn liên quan đối với các tổ chức, cá nhân có vi phạm.

4. Kiểm soát chặt chẽ việc thanh toán, tạm ứng kế hoạch vốn XDCB

Kho bạc Nhà nước Hà Nội phối hợp Sở Tài chính và các sở ngành liên quan kiểm soát chặt chẽ việc thanh toán, tạm ứng kế hoạch vốn XDCB, vốn GPMB của các dự án đặc biệt các dự án giai đoạn chuẩn bị thực hiện, không để tình trạng tạm ứng kéo dài khi chưa có khối lượng thực hiện, tạm ứng để bồi thường GPMB nhưng không chi trả đền bù cho dân, tránh việc các dự án có số dư tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi, chưa quyết toán đề nghị chuyển nguồn sang năm sau. Đồng thời có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc Chủ đầu tư dự án hoàn thiện hồ sơ, chứng từ các khoản đã thực hiện chi trả cho các đối tượng được đền bù GPMB để thu hồi tạm ứng, thực hiện thu hồi vốn hoàn trả ngân sách theo quy định của UBND Thành phố về cơ chế thực hiện vốn GPMB của từng năm đối với các khoản tạm ứng cho công tác GPMB không còn nhu cầu chi hoặc không chi trả được cho các đối tượng.

5. Tập trung chỉ đạo quyết liệt để hoàn thành GPMB

- Nghiêm túc triển khai thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 15/9/2016 của Thành ủy Hà Nội về nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố.

- UBND Thành phố sẽ thường xuyên tiến hành giao ban, kiểm điểm tiến độ GPMB, yêu cầu Ban Chỉ đạo Giải phóng mặt bằng Thành phố; các Bí thư, Chủ tịch quận huyện chỉ đạo quyết liệt, có cam kết và chịu trách nhiệm về tiến độ GPMB.

- Đẩy mạnh công tác phát triển quỹ nhà tái định cư và giải quyết chính sách tái định cư theo hướng đặt hàng để doanh nghiệp đầu tư và khuyến khích người được tái định cư bằng tiền theo quy định mới (Quyết định số 47/2016/QĐ-UBND ngày 08/11/2016 của UBND Thành phố phê duyệt mức hỗ trợ tự lo tái định cư bằng tiền đối với trường hợp được bố trí nhà tái định cư).

- Ban Chỉ đạo GPMB Thành phố thường xuyên kiểm tra, đôn đốc tiến độ GPMB, chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan xác định cụ thể, chi tiết từng trường hợp vướng mắc và có phương án xử lý kịp thời; Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động, thuyết phục để các hộ dân trong diện GPMB hiểu, đồng thuận và chấp hành chủ trương GPMB của nhà nước; Thực hiện công tác GPMB công khai, minh bạch, đúng luật, đảm bảo công bằng, chính xác.

6. Giao và điều hành Kế hoạch 2018

- Giao Kế hoạch theo dự toán, trong đó từng công trình phải đảm bảo vốn GPMB, xây lắp và chi phí khác theo tiến độ XD CB. Thực hiện điều hành giải ngân vốn GPMB linh hoạt từ nguồn vốn dự phòng đầu tư công hàng năm theo cơ chế được HĐND Thành phố cho phép.

- Điều hành kế hoạch XD CB theo khả năng nguồn thu, thực hiện các cơ chế linh hoạt để đảm bảo đủ vốn cho các dự án trọng điểm.

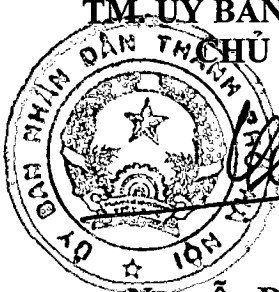
- Xây dựng tiến độ cụ thể chi tiết từng loại công việc để kiểm soát tiến độ thực hiện các hạng mục và công trình đảm bảo triển khai các dự án đầu tư XD CB ngay từ đầu năm, đặc biệt là các dự án trọng điểm.

Trên đây là nội dung báo cáo Kế hoạch đầu tư công năm 2018 của cấp Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố kính trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Thành ủy;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các PCT UBND Thành phố;
- Ban KTNS-HĐND Thành phố;
- Các Sở: KH&ĐT, Tài chính;
- VPUB: CVP, PCVP, KT, ĐT, KGVX, NC, TKBT, TH;
- Lưu: VT, KT Công.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Chung



TỔNG HỢP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2018 CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI

STT	Nội dung	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2018									Ghi chú
		Kế hoạch				Nguồn vốn thực hiện					
		Số DA	Dự kiến CTHT năm 2018	Kinh phí	Tỷ lệ	NSTP	Vốn NSTW	ODA	Bội chi (vốn ODA vay lại)	Vốn XSKT	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN TOÀN THÀNH PHỐ			42.121.022		38.966.250	303.264	1.296.608	1.212.900	342.000	
	Vốn đầu tư cân đối theo tiêu chí			13.466.250		13.466.250					
	Thu từ nguồn thu sử dụng đất			25.500.000		25.500.000					
	Vốn trung ương hỗ trợ có mục tiêu (vốn trong nước)			303.264			303.264				
	Vốn nước ngoài (vốn ODA do Trung ương cấp phát)			1.296.608				1.296.608			
	Vốn nước ngoài (vốn ODA do Thành phố vay lại)			1.212.900					1.212.900		
	Vốn xổ số kiến thiết Thủ đô			342.000						342.000	
	Trong đó:										
	NGUỒN VỐN CẤP THÀNH PHỐ			28.665.722		25.510.950	303.264	1.296.608	1.212.900	342.000	
	Vốn đầu tư cân đối theo tiêu chí			9.308.450		9.308.450					
	Thu từ nguồn thu sử dụng đất			16.202.500		16.202.500					
	Vốn trung ương hỗ trợ có mục tiêu (vốn trong nước)			303.264			303.264				
	Vốn nước ngoài (vốn ODA do Trung ương cấp phát)			1.296.608				1.296.608			
	Vốn nước ngoài (vốn ODA do Thành phố vay lại)			1.212.900					1.212.900		
	Vốn xổ số kiến thiết Thủ đô			342.000						342.000	
	NGUỒN VỐN CẤP HUYỆN			13.455.300		13.455.300	0	0	0	0	
	Vốn đầu tư cân đối theo tiêu chí			4.157.800		4.157.800					
	Thu từ nguồn thu sử dụng đất			9.297.500		9.297.500					

STT	Nội dung	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2018									Ghi chú
		Kế hoạch				Nguồn vốn thực hiện					
		Số DA	Dự kiến CTHT năm 2018	Kinh phí	Tỷ lệ	NSTP	Vốn NSTW	ODA	Bội chi (vốn ODA vay lại)	Vốn XSKT	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	<u>TỔNG PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ CẤP THÀNH PHỐ</u>	<u>236</u>	<u>165</u>	<u>28.665.722</u>	<u>100,0%</u>	<u>25.510.950</u>	<u>303.264</u>	<u>1.296.608</u>	<u>1.212.900</u>	<u>342.000</u>	
A	BÓ TRÍ CHO CÁC QUỸ, CÁC KHOẢN CHI ĐẦU TƯ KHÁC	0	0	5.939.264	20,7%	5.778.000	161.264	0	0	0	
1	Bổ sung vốn cho Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố (quỹ phát triển đất)			500.000		500.000					
2	Hoàn trả vốn ứng cho Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố (quỹ đầu tư phát triển 548 tỷ đồng; quỹ phát triển đất 800 tỷ đồng)			1.348.000		1.348.000					Đã ứng 1.118 tỷ đồng để phát triển đất (cả cấp TP và cấp huyện); đã ứng cho đầu tư phát triển 548,073 tỷ đồng
3	Ghi thu ghi chi vốn đầu tư cho các dự án BT			3.000.000		3.000.000					
4	Bổ sung vốn ủy thác Ngân hàng chính sách xã hội cho vay giải quyết việc làm (250 tỷ đồng) và cho vay sửa chữa nhà ở cho người nghèo (50 tỷ đồng)			300.000		300.000					
5	Bổ sung vốn cho Quỹ hỗ trợ nông dân			30.000		30.000					
6	Chi đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp			250.000		250.000					
7	Chi đầu tư trở lại từ tiền nhà, đất và hoàn trả kinh phí GPMB đối với các dự án xã hội hóa			250.000		250.000					
8	Hỗ trợ nhà ở cho người có công với cách mạng theo QĐ 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ			161.264		0	161.264				Theo đúng số thông báo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư
9	Hỗ trợ địa phương bạn			100.000		100.000					
B	VỐN BÓ TRÍ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG	236	165	22.726.458	79,3%	19.732.950	142.000	1.296.608	1.212.900	342.000	
B1	Bố trí vốn thu hồi ứng trước, vốn thanh quyết toán và dự phòng	0	0	2.292.000	8,0%	2.150.000	142.000	0	0	0	
1	Bố trí thu hồi các khoản ứng trước đến hết Kế hoạch năm 2017 chưa bố trí nguồn để thu hồi			142.000			142.000				Theo đúng số thông báo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

STT	Nội dung	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2018									Ghi chú
		Kế hoạch				Nguồn vốn thực hiện					
		Số DA	Dự kiến CTHT năm 2018	Kinh phí	Tỷ lệ	NSTP	Vốn NSTW	ODA	Bội chi (vốn ODA vay lại)	Vốn XSKT	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
2	Vốn thanh quyết toán các dự án hoàn thành			150.000		150.000					
3	Dự phòng			2.000.000		2.000.000					
B2	Vốn phân bổ thực hiện các chương trình mục tiêu, dự án đầu tư XDCB, hỗ trợ có mục tiêu cho cấp huyện	236	165	20.434.458	71,3%	17.582.950	0	1.296.608	1.212.900	342.000	
1	Vốn XDCB tập trung cấp Thành phố	114	81	16.159.558	56,4%	13.650.050	0	1.296.608	1.212.900	0	Phụ lục số 02
	Trong đó: - Công trình trọng điểm	14	6	9.268.696	32,3%	7.013.250	0	1.155.108	1.100.338	0	
1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015	43	30	10.918.058		8.438.550	0	1.296.608	1.182.900	0	
2	Dự án chuyển tiếp từ năm 2016	23	17	2.253.000		2.223.000	0	0	30.000	0	
3	Dự án chuyển tiếp từ năm 2017	8	6	650.000		650.000	0	0	0	0	
4	Dự án khởi công mới năm 2018	40	28	2.188.500		2.188.500	0	0	0	0	
5	Bổ trí nguồn vốn chuẩn bị đầu tư cho các dự án XDCB tập trung của Thành phố, cho các dự án thực hiện theo hình thức PPP (BT, BOT,...)			150.000		150.000					Thực hiện giải ngân theo cơ chế linh hoạt
1	Khối Hạ tầng đô thị	53	41	4.855.500	16,9%	4.855.500	0	0	0	0	
	Trong đó: - Công trình trọng điểm	4	3	1.220.000		1.220.000					
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015	20	16	1.854.000		1.854.000					
	Dự án chuyển tiếp từ năm 2016	14	12	1.763.500		1.763.500					
	Dự án chuyển tiếp từ năm 2017	7	6	250.000		250.000					
	Dự án khởi công mới năm 2018	12	7	988.000		988.000					
2	Khối ODA	8	2	5.475.008	19,1%	2.965.500	0	1.296.608	1.212.900	0	
	Trong đó: - Công trình trọng điểm	3	0	5.215.446		2.960.000		1.155.108	1.100.338		
	- Vốn trong nước					2.965.500					
	- Vốn ngoài nước (ODA do TW cấp phát)							1.296.608			
	- Vốn ngoài nước (ODA do TP vay lại)								1.212.900		
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015	6	2	5.443.508		2.964.000		1.296.608	1.182.900		
	Dự án chuyển tiếp từ năm 2016	2	0	31.500		1.500			30.000		
	Dự án chuyển tiếp từ năm 2017			0							

STT	Nội dung	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2018									Ghi chú
		Kế hoạch				Nguồn vốn thực hiện					
		Số DA	Dự kiến CTHT năm 2018	Kinh phí	Tỷ lệ	NSTP	Vốn NSTW	ODA	Bội chi (vốn ODA vay lại)	Vốn XSKT	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Dự án khởi công mới năm 2018	0	0	0				0			
3	Khối Văn xã	15	10	1.182.000	4,1%	1.182.000	0	0	0	0	
	Trong đó: - Công trình trọng điểm	4	2	500.000		500.000					
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015	6	5	635.000		635.000					
	Dự án chuyển tiếp từ năm 2016	3	1	330.000		330.000					
	Dự án chuyển tiếp từ năm 2017										
	Dự án khởi công mới năm 2018	6	4	217.000		217.000					
4	Khối Công nghiệp	7	7	132.000	0,5%	132.000	0	0	0	0	
	Trong đó: - Công trình trọng điểm										
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015	3	3	83.000		83.000					
	Dự án chuyển tiếp từ năm 2016	2	2	23.000		23.000					
	Dự án chuyển tiếp từ năm 2017			0							
	Dự án khởi công mới năm 2018	2	2	26.000		26.000					
5	Khối Nông nghiệp	24	20	3.537.050	12,3%	3.537.050	0	0	0	0	
	Trong đó: - Công trình trọng điểm	2	0	2.183.250		2.183.250					
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015	6	3	2.734.550		2.734.550					
	Dự án chuyển tiếp từ năm 2016	2	2	105.000		105.000					
	Dự án chuyển tiếp từ năm 2017	0	0	0		0					
	Dự án khởi công mới năm 2018	16	15	697.500		697.500					
6	Khối Báo đài, KHCC-CNTT-TTTT	1	1	150.000	0,5%	150.000	0	0	0	0	
	Trong đó: - Công trình trọng điểm	1	1	150.000		150.000					
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015	1	1	150.000		150.000					
	Dự án chuyển tiếp từ năm 2016			0							
	Dự án chuyển tiếp từ năm 2017			0							
	Dự án khởi công mới năm 2018			0							
7	Khối An ninh-PCCC-Quốc phòng-Tư pháp-Nội chính	6	0	678.000	2,4%	678.000	0	0	0	0	
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015	1	0	18.000		18.000					
	Dự án chuyển tiếp từ năm 2016			0							

STT	Nội dung	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2018									Ghi chú
		Kế hoạch				Nguồn vốn thực hiện					
		Số DA	Dự kiến CTHT năm 2018	Kinh phí	Tỷ lệ	NSTP	Vốn NSTW	ODA	Bội chi (vốn ODA vay lại)	Vốn XSKT	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Dự án chuyển tiếp từ năm 2017	1	0	400.000		400.000					
	Dự án khởi công mới năm 2018	4	0	260.000		260.000					
II	Bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn và Kế hoạch năm 2018	3	3	35.800		35.800					Phụ lục số 03
III	Chương trình mục tiêu	10	10	1.041.600	3,6%	1.041.600	0	0	0	0	Phụ lục số 04
1	CTMT quốc gia về Xây dựng nông thôn mới lồng ghép thực hiện Kế hoạch số 138/KH-UBND ngày 15/7/2016 về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi của Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2016-2020	7	7	979.100		979.100					
2	CTMT Thành phố về Giảm thiểu ùn tắc giao thông	3	3	62.500		62.500					
IV	Ngân sách thành phố hỗ trợ cho cấp huyện	103	70	1.818.500	6,3%	1.476.500	0	0	0	342.000	
1	Ngân sách Thành phố hỗ trợ có mục tiêu cho các huyện, thị xã	77	51	1.476.500		1.476.500					Phụ lục số 05
2	Hỗ trợ các huyện xây dựng trường học, trạm y tế từ nguồn vốn Xổ số kiến thiết Thủ đô	26	19	342.000						342.000	Phụ lục số 06
V	Bố trí vốn thực hiện một số dự án theo cơ chế đặc thù	6	1	1.379.000	4,8%	1.379.000	0	0		0	Phụ lục số 07
1	UBND quận Cầu Giấy	2	1	570.000		570.000					
2	UBND quận Hoàng Mai	2		453.000		453.000					
3	UBND quận Long Biên	2		356.000		356.000					

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2018 CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN TẬP TRUNG

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Danh mục dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/chủ trương đầu tư được duyệt			Lũy kế số vốn đã bố trí/giải ngân đến hết năm 2017		Kế hoạch năm 2018	CTHT năm 2018	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Dự phòng	Tổng số	Riêng năm 2017				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	TỔNG SỐ	12	66	36					109.915.618	12.467.880	28.250.156	11.219.839	16.009.558	81		
	Trong đó: - Vốn nước ngoài (ODA)								59.105.603		7.317.072	3.734.072	2.509.508			
	- Vốn trong nước								50.810.015		20.933.084	7.485.767	13.500.050			
I	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2011-2015	11	32						96.815.476	11.148.073	24.061.170	8.487.239	10.918.058	30		
II	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ NĂM 2016	1	15	7					8.037.207	860.887	3.990.375	2.550.600	2.253.000	17		
III	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ NĂM 2017		2	6					1.150.169	147.496	193.355	182.000	650.000	6		
IV	DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI NĂM 2018		17	23					3.912.766	311.424	5.256		2.188.500	28		
	KHÔI HA TĂNG ĐỘ THỊ	2	35	16					20.801.623	1.599.795	11.890.416	4.419.500	4.855.500	41		
I	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2011-2015	1	19						12.127.275	678.392	8.346.663	2.077.950	1.854.000	16		
II	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ NĂM 2016	1	8	5					6.293.371	662.704	3.502.540	2.309.550	1.763.500	12		
III	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ NĂM 2017		1	6					462.501	84.981	40.355	32.000	250.000	6		
IV	DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI NĂM 2018		7	5					1.918.476	173.718	858		988.000	7		
A	LĨNH VỰC GIAO THÔNG	2	31	11					18.660.731	1.534.703	10.525.059	4.019.500	4.519.000	32		
I	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2011-2015	1	16						10.200.187	621.078	6.998.806	1.677.950	1.694.000	13		
*	Các đường Vành đai															
1	Xây dựng đường vành đai I (đoạn Ô Đông Mác - Nguyễn Khoái)		1		Hai Bà Trưng	2014-2017	L= 548,06m, đường đô thị	8259/QĐ-UB ngày 20/12/2005; 1905/QĐ-UBND ngày 07/5/2012; 4846/QĐ-UBND ngày 18/9/2014; 2965/QĐ-UBND ngày 09/6/2016	1.166.678	42.341	1.140.942	21.000	13.000	1	BQLDA ĐTXD công trình giao thông	Công trình trọng điểm giao đoạn 2011-2015; bố trí vốn năm 2018 để thi công hoàn thành dự án
2	Xây dựng đường VĐ2, đoạn Ngã Tư Sở - Ngã Tư Vọng	1			Đống Đa	2011-2017	2,3kmx50m	4454/QĐ-UBND ngày 23/9/2011	2.560.353	146.749	2.390.882	850.000	160.000	1	BQLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp	Công trình trọng điểm 2011-2015. Đang GPMB và thi công nốt đoạn từ Tôn Thất Tùng đến Ngã Tư Sở. Bố trí vốn để thực hiện hoàn thành dự án

Stt	Danh mục dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/chủ trương đầu tư được duyệt			Lấy kế số vốn đã bố trí/giải ngân đến hết năm 2017		Kế hoạch năm 2018	CTHT năm 2018	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Dự phòng	Tổng số	Riêng năm 2017				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
*	Các đường hướng tâm; trục chính đô thị															
3	Cải tạo, nâng cấp mở rộng và chỉnh trang tuyến đường Quốc lộ 6, đoạn km 19+920 đến km 22+220, qua địa phận thị trấn Chúc Sơn, huyện Chương Mỹ		1		Chương Mỹ	2012-2017	Bn=56m, L=2,3km	5757/QĐ-UBND ngày 12/12/2011; 3274/QĐ-UBND ngày 26/5/2017	612.320	20.000	495.805	150.000	95.000	1	UBND huyện Chương Mỹ	Bổ trí vốn hoàn thành công trình
4	Cải tạo, nâng cấp quốc lộ 1A đoạn Văn Điển - Ngọc Hồi (Km185 - 189), huyện Thanh Trì		1		Thanh Trì	2011-2018	3.814mx19m	3553/QĐ-UBND ngày 19/7/2010; 6010/QĐ-UBND ngày 28/8/2017	887.755	115.791	348.267	125.000	415.000	1	BQLDA ĐTXD công trình giao thông	Bổ trí vốn hoàn thành công trình
*	Đường đô thị; tỉnh lộ.															
5	Xây dựng đường Văn Cao - Hồ Tây		1		Tây Hồ, Ba Đình	2007-2018	230mx50m	417/QĐ-UBND ngày 29/01/2007; 801/QĐ-UBND ngày 10/02/2010	674.827	12.215	533.190	61.000	90.000	1	BQLDA ĐTXD công trình giao thông	Công trình còn vướng 48 hộ dân tập thể Bộ tư lệnh công binh. UBND quận Tây hồ thực hiện GPMB
6	Xây dựng đường Cát Linh - La Thành - Yên Lãng (đoạn La Thành - Thái Hà - Lãng)		1		Đống Đa	2002-2016	1890m	7601/QĐ-UB ngày 11/12/2001 1596/QĐ-UBND ngày 28/10/2008 1188/QĐ-UBND ngày 16/3/2012	441.834	6.802	392.797		20.000	1	BQLDA ĐTXD công trình giao thông	Xử lý tồn tại 15 hộ chưa GPMB.
7	Xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp đường 23B - Giai đoạn I (Hà Nội - nghĩa trang Thanh Tước)		1		Đông Anh, Mê Linh	2009-2018	12,48km; 1,73kmx 50m (GĐI:18m); ML:10,75kmx12m	1500/QĐ-UBND ngày 01/4/2009; 5997/QĐ-UBND ngày 27/12/2011; 3858/QĐ-UBND ngày 26/6/2017	401.533	26.045	190.784	10.000	70.000	1	BQLDA ĐTXD công trình giao thông	Bổ sung vốn để hoàn thành công trình theo Quyết định điều chỉnh dự án của UBND Thành phố
8	Cải tạo, nâng cấp tuyến phố Tùng Thiện, Km 2+700,2 đến Km 4+700,2 Quốc lộ 21A, Thị xã Sơn Tây		1		Sơn Tây	2012-2016	2kmx35m	5252/QĐ-UBND ngày 22/10/2010	246.945		211.936	15.000	13.000	1	UBND thị xã Sơn Tây	Bổ trí vốn hoàn thành dự án (thay đổi phương án không hạ ngầm các đường dây; dự toán giảm 35 tỷ đồng).
9	Xây dựng đường gom cầu Giẽ - Phú Yên - Văn Từ (tuyến phía Tây đường sắt), huyện Phú Xuyên		1		Phú Xuyên	2013-2016	5,67kmx12m	5064/QĐ-UBND ngày 31/10/2011; 183/QĐ-UBND ngày 10/01/2012	261.820	34.804	86.569	2.000	20.000	1	BQLDA ĐTXD công trình giao thông	NQ18 bổ trí vốn để thi công đến điểm dừng kỹ thuật do vướng mắc GPMB. Nay Chủ đầu tư đề xuất tiếp tục triển khai dự án để phát huy hiệu quả đầu tư.
10	Xây dựng đường trục chính Bắc - Nam, đô thị Quốc Oai		1		Quốc Oai	2008-2018	14km, C3	1926/QĐ-UBND ngày 23/10/2007; 5446/QĐ-UBND ngày 2/11/2010; 7153/QĐ-UBND ngày 25/12/2015	544.188	25.587	427.419	135.000	85.000	1	UBND huyện Quốc Oai	Tập trung GPMB và thực hiện hoàn thành dự án

Stt	Danh mục dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/chủ trương đầu tư được duyệt			Lấy kế số vốn đã bố trí/giải ngân đến hết năm 2017		Kế hoạch năm 2018	CTHT năm 2018	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Dự phòng	Tổng số	Riêng năm 2017				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
11	Cải tạo môi trường vệ sinh khu dân cư xung quanh mương thoát nước Thụy Khuê (đoạn từ dốc La Phò đến Cổng Đờ)		1		Tây Hồ	2011-2018	Cổng hóa mương BTCT 2x3x3m; B = 9,5-11,5m; L=1.788m	574/QĐ-UBND ngày 03/02/2009; 7079/QĐ-UBND ngày 23/12/2015	421.764	30.589	216.023	140.000	175.000	1	UBND quận Tây Hồ	
12	Xây dựng đường Liễu Giai- Núi Trúc (đoạn Vạn Bảo đến nút Núi Trúc), GD 2		1		Ba Đình	2004-2017	656,75m x3m	1096/QĐ-UB ngày 02/3/2006; 2619/QĐ-UBND ngày 08/5/2017	300.259	14.310	61.020	12.500	103.000		BQLDA ĐTXD công trình giao thông	Dự án vương GPMB phức tạp, đã tồn tại nhiều năm. Bố trí vốn để tiếp tục triển khai
13	Cổng hoá và xây dựng tuyến đường từ nút rẽ ra phố Núi Trúc đến phố Sơn Tây		1		Ba Đình	2009-2020	1040,16mx(25-30,5)m	2447/QĐ-UBND ngày 26/6/2008; 5101/QĐ-UBND ngày 7/11/2012; 6343/QĐ-UBND ngày 18/11/2016	740.450	35.180	86.158	61.450	180.000		BQLDA ĐTXD công trình giao thông	Tiếp tục triển khai công tác GPMB và thi công công trình
14	Xây dựng tuyến đường nối đường 70 chạy dọc mương Hoà Bình		1		Thanh Trì	2010-2020	4931mx21,25m	4193/QĐ-UBND ngày 18/8/2009; 3226/QĐ-UBND ngày 19/6/2014	248.833	22.621	107.063	20.000	80.000	1	UBND huyện Thanh Trì	Kinh phí GPMB giảm; dự toán giảm so với TMDT duyệt. Bố trí vốn NSTP để đầu tư hoàn thành công trình.
15	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường tỉnh lộ 411C (đoạn Đồng Bàng - Yên Kỳ - Tòng Bạt)		1		Ba Vì	2012-2017	17,7ha; 5.925,1m	5354/QĐ-UBND ngày 29/10/2010	208.363	26.128	98.328	37.000	40.000		UBND huyện Ba Vì	
16	Đường tránh QL 32 đoạn qua thị trấn Tây Đằng		1		Ba Vì	2011-2017	2055,71mx23m	5195/QĐ-UBND ngày 21/10/2010; 7245/QĐ-UBND ngày 18/10/2017	151.706	31.865	110.235	38.000	35.000	1	UBND huyện Ba Vì	Thi công hoàn thành dự án
17	Cải tạo, nâng cấp tuyến phố Thanh Vĩ (tỉnh lộ 414 đoạn qua nội thị, dài 3 Km), thị xã Sơn Tây		1		Sơn Tây	2012-2016	2,5km x35m	5253/QĐ-UBND ngày 22/10/2010	330.559	30.051	101.388		100.000		UBND thị xã Sơn Tây	Tiếp tục triển khai thi công để hoàn thành dự án trong giai đoạn 2017-2020 theo Thông báo số 526-TB/TU ngày 19/01/2017 của Thành ủy
II	DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP TỪ NĂM 2016	1	8	3					6.254.977	659.775	3.485.440	2.309.550	1.753.000	10		
*	Công trình cấp bách, chống ùn tắc giao thông															
1	Mở rộng đường Vành đai 3: đoạn Mai Dịch - Cầu Thăng Long	1			Cầu Giấy, Bắc Từ Liêm	2016-2018	5,5km, Bn=56-60m	103/QĐ-BGTVT ngày 14/01/2010; 3099/QĐ-UBND ngày 15/6/2016; 7240/QĐ-UBND 18/10/2017; 675/QĐ-BQLCTGT 02/11/2017	3.113.000	210.900	2.601.000	1.651.000	320.000	1		Công trình trọng điểm 2016-2020; tập trung thực hiện hoàn thành dự án

Stt	Danh mục dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/chủ trương đầu tư được duyệt			Lấy kế số vốn đã bố trí/giải ngân đến hết năm 2017		Kế hoạch năm 2018	CTHT năm 2018	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Dự phòng	Tổng số	Riêng năm 2017				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	Phần XL + chi khác do Ban Giao thông làm CĐT										791.181	591.181	180.000		BQLDA ĐTXD công trình giao thông	
	Phần GPMB do UBND quận Cầu Giấy làm CĐT										250.000				UBND quận Cầu Giấy	
	Phần GPMB do UBND quận Bắc Từ Liêm làm CĐT										1.434.000	934.000	140.000		UBND quận Bắc Từ Liêm	Dự kiến chi phí GPMB tăng 140 tỷ đồng so với cơ cấu TMDT được duyệt. Phần kinh phí này sẽ bố trí nguồn vốn dự phòng đầu tư công sau khi phê duyệt điều chỉnh dự án đảm bảo hoàn thành dự án theo tiến độ được duyệt trong năm 2018
2	Xây dựng cầu vượt tại nút An Dương - Đường Thanh Niên để hạn chế ùn tắc giao thông		1		Tây Hồ, Ba Đình	2016-2018	9,0mx271m	3665/QĐ-UBND ngày 19/6/2017	311.989	31.170	90.000	90.000	110.000	1	BQLDA ĐTXD công trình giao thông	Công trình trọng điểm 2016-2020
*	Các đường Vành đai															
3	Đường vành đai 3,5 các đoạn Km0+600-Km1+700; Km2+050-Km2+550; Km3+340-Km5+500), huyện Hoài Đức		1		Hoài Đức	2017-2019	3,76kmx60m	7586/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	1.057.210	117.467			700.000		UBND huyện Hoài Đức	Công trình trọng điểm 2016-2020 Nguồn vốn được duyệt: Từ kinh phí thu lại theo cơ chế trước đây các chủ đầu tư đã được đối trừ từ tiền sử dụng đất phải nộp kết hợp từ nguồn thu đầu giá đất trên địa bàn Huyện. NSTP ứng trước để chủ đầu tư triển khai thực hiện hoàn thành DA. UBND huyện Hoài Đức có trách nhiệm hoàn trả phần vốn NSTP ứng.
*	Các cầu yếu															
4	Xây dựng cầu Đàm Mơ			1	Chương Mỹ	2016-2017	99mx8,5m (03 nhịp 33m)	1194/QĐ-GTVT ngày 26/10/2011	68.437	13.563	38.608	27.000	3.000	1	BQLDA ĐTXD công trình giao thông	
*	Đường đô thị, đường tỉnh lộ															
5	Xây dựng mở rộng tuyến đường Lương Định Của ra đường Trường Chinh		1		Đống Đa	2018-2019	B=13,5m; L=364,84m	2248/QĐ-UB ngày 15/4/2004; 5781/QĐ-UBND ngày 13/12/2011; 7612/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	120.051	1.874	2.077	1.550	115.000	1	BQLDA ĐTXD công trình giao thông	Đầu tư kết nối đồng bộ với dự án "Đường Phương Mai - sông Lừ"
6	Xây dựng tuyến đường nối từ Trường Đại học Mỏ - Địa chất vào Khu công nghiệp Nam Thăng Long			1	Bắc Từ Liêm	2016-2017	1.004,4mx30m; 30.354,08m2	460/QĐ-UBND ngày 26/01/2011	196.312	17.846	71.398	65.000	110.000	1	BQLDA ĐTXD công trình giao thông	Kết nối hạ tầng khung giao thông, tạo tuyến đường vào Khu Công nghiệp Nam Thăng Long.
7	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường tỉnh lộ 411, km 0+00-km 7+640, đoạn qua địa phận huyện Ba Vì		1		Ba Vì	2016-2017	L=7,6km, Bn= 12m	6432/QĐ-UBND ngày 25/10/2013	214.009	49.870	101.800	70.000	60.000	1	UBND huyện Ba Vì	Nâng cấp tuyến đường đã xuống cấp, dân cư đi lại đông đúc

Stt	Danh mục dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/chủ trương đầu tư được duyệt			Lấy kế số vốn đã bố trí/giải ngân đến hết năm 2017		Kế hoạch năm 2018	CTHT năm 2018	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Dự phòng	Tổng số	Riêng năm 2017				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
8	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường tỉnh lộ 421 đoạn qua địa phận huyện Phúc Thọ		1		Phúc Thọ	2016-2017	5,98kmx9m	4950/QĐ-UBND ngày 16/8/2013	178.054	29.779	103.100	60.000	40.000	1	UBND huyện Phúc Thọ	Nâng cấp tuyến đường đã xuống cấp, dân cư đi lại đông đúc.
9	Nâng cấp, cải tạo xây dựng tuyến đường tỉnh lộ 419, đoạn Km 44+00 đến Km 60+00, huyện Mỹ Đức		1		Mỹ Đức	2016-2018	13,42kmx(12-18)m	4010/QĐ-UBND ngày 11/9/2012	527.263	112.853	204.600	160.000	210.000		UBND huyện Mỹ Đức	Tiếp tục triển khai
10	Chỉnh trang cải tạo lắp đặt hệ thống chiếu sáng tuyến đường 429 qua khu tưởng niệm Hồ Chủ tịch, xã Nghiêm Xuyên; đường tỉnh lộ 427 qua địa phận Văn Phú - Hiền Giang, huyện Thường Tín			1	Thường Tín	2016-2017	- Chiều sáng 429: 2,1km - Đoạn 427: cải tạo 1,4km, chiều sáng 3,2km	358/QĐ-KH&ĐT ngày 23/10/2013; 178/QĐ-UBND ngày 09/01/2017	51.069	5.180	40.800	15.000	6.000	1	UBND huyện Thường Tín	
11	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường tỉnh lộ 421A và 421B đoạn qua địa phận huyện Quốc Oai (Đoạn từ cầu vượt Sài Sơn đi chùa Thầy đến đường 421A giáp ranh huyện Phúc Thọ)		1		Quốc Oai	2016-2019	TL421A: B=5,5-10m; TL421B: 6,5-10,5m, cọc TC28-hết: 12m	4970/QĐ-UBND ngày 31/10/2012; 3618/QĐ-UBND ngày 15/6/2017	225.953	26.205	143.000	110.000	60.000	1	UBND huyện Quốc Oai	
12	Cầu Mỹ Hòa (cầu Bội Xuyên), vượt Sông Đáy - qua địa bàn huyện Mỹ Đức, huyện Ứng Hòa		1		Ứng Hòa, Mỹ Đức	2016-2019	356mx12m	4305/QĐ-UBND ngày 15/7/2013	191.630	43.068	89.057	60.000	19.000	1	BQLDA ĐTXD công trình giao thông	Nội 2 huyện Ứng Hòa và Mỹ Đức (tỉnh lộ 429, qua cầu nối vào ĐA tuyến đường ngang đê đáy - tỉnh lộ 419)
III	DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP TỪ NĂM 2017		1	6					462.501	84.981	40.355	32.000	250.000	6		
1	Xây dựng cầu Phú Tiên			1	Phú Xuyên - Hà Nội và Duy Tiên - Hà Nam	2017	63mx12m	2074/QĐ-SGTVT ngày 22/09/2016	50.714	8.433	5.166	5.000	4.000	1	BQLDA ĐTXD công trình giao thông	Nguồn vốn: NSTP 13,9 tỷ đồng để GPMB, Quỹ bảo trì đường bộ TP: 36,7 tỷ đồng. Chi phí GPMB thực tế thấp hơn so với TMDT được duyệt
2	Xây dựng cầu Suối Hai 1, Km11+471 đường tỉnh lộ 413, huyện Ba Vì			1	Ba Vì	2017	20mx12m	1293/QĐ-SGTVT ngày 24/10/2012	11.222	1.561	2.250	2.000	8.000	1	BQLDA ĐTXD công trình giao thông	
3	Xây dựng cầu Phú Thứ tại Km6+680 trên đường tỉnh 420, huyện Thạch Thất			1	Thạch Thất	2017	03 nhịp (20m + 30m + 20m); 12m	1176/QĐ-SGTVT ngày 01/10/2012	53.585	15.200	9.250	8.000	30.000	1	BQLDA ĐTXD công trình giao thông	Thông báo số 513-TB/TU ngày 30/12/2016 của Thành ủy.
4	Xây dựng cầu Gồm			1	Chương Mỹ	2017	90mx10m (03 nhịp 30m)	1198/QĐ-GTVT ngày 26/10/2011	36.316	8.499	6.250	5.000	25.000	1	BQLDA ĐTXD công trình giao thông	
5	Xây dựng cầu Hạ Dục			1	Chương Mỹ	2017-2018	99mx10m (03 nhịp 33m)	1193/QĐ-GTVT ngày 26/10/2011	68.952	13.665	6.711	5.000	48.000	1	BQLDA ĐTXD công trình giao thông	
6	Xây dựng cầu Hồng Phú			1	Thanh Oai, Phú Xuyên	2017-2018	39mx8m (02 nhịp 9m và 01 nhịp 21m)	1203/QĐ-GTVT ngày 27/10/2011	44.508	8.964	6.304	5.000	35.000	1	BQLDA ĐTXD công trình giao thông	
7	Cải tạo nâng cấp tuyến đường 35 đoạn giữa tuyến (từ Km4+469,12 đến Km 12+733,55)		1		Sóc Sơn	2018-2019	8,2km	5570/QĐ-UBND ngày 28/10/2014	197.204	28.659	4.424	2.000	100.000		BQLDA ĐTXD công trình giao thông	Đường phục vụ vận chuyển rác vào bãi rác Sóc Sơn.

Stt	Danh mục dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/chủ trương đầu tư được duyệt			Lũy kế số vốn đã bố trí/giải ngân đến hết năm 2017		Kế hoạch năm 2018	CTHT năm 2018	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Dự phòng	Tổng số	Riêng năm 2017				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
IV	DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI NĂM 2018		6	2					1.743.066	168.869	458		822.000	3		
*	Các cầu yếu															
1	Đầu tư xây dựng cầu Chiềng, tỉnh lộ 427, huyện Thường Tín			1	Thường Tín	2017-2018	81mx18,5m	6341/QĐ-UBND ngày 18/11/2016	115.544	10.504			100.000	1	BQLDA ĐTXD công trình giao thông	Thông báo số 385-TB/TU ngày 23/9/2016 của Thành ủy
2	XD công trình cầu Ái Mỹ, Km1+690 Quốc lộ 21, thị xã Sơn Tây		1		Sơn Tây	2018	74mx35m	2321/QĐ-UBND ngày 18/4/2017	122.828	12.172	365		115.000	1	BQLDA ĐTXD công trình giao thông	
*	Các tuyến đường kết nối, phân luồng giao thông trung tâm Thành phố															
3	Hoàn thiện nút giao Chùa Bộc - Thái Hà theo quy hoạch tại góc 1/4 nút giao từ Học viện Ngân hàng đến cổng trường Đại học Công đoàn		1		Đống Đa	2019-2020	Hoàn thiện nút giao	5572/QĐ-UBND ngày 28/10/2014	281.108	25.555	93		50.000		BQLDA ĐTXD công trình giao thông	Thông báo số 607-TB/TU ngày 30/3/2017 của Thành ủy
4	Cải tạo, mở rộng theo quy hoạch phố Vũ Trọng Phụng, quận Thanh Xuân		1		Thanh Xuân	2017-2019	434mx20m	7623/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	366.234	36.000			200.000		UBND quận Thanh Xuân	
5	Đầu tư xây dựng đoạn tuyến đường nối từ cầu Mỗ Lao, quận Hà Đông đến đường 70, quận Nam Từ Liêm		1		Hà Đông, Nam Từ Liêm	2017-2018	3,065kmx40m	2307/QĐ-UBND ngày 17/4/2017	436.735	46.138			150.000		BQLDA ĐTXD công trình giao thông	Triển khai thi công xây dựng
*	Các đường tỉnh lộ, trục phát triển Huyện															
6	Xây dựng tuyến đường từ Khu trung tâm hành chính huyện Mê Linh đi thị trấn Chi Đông (Giai đoạn 2: hoàn thiện mặt đường)			1	Mê Linh	2017	1,563kmx35m	1113/QĐ-UBND ngày 11/3/2016; 5992/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	33.853	3.355			27.000	1	UBND huyện Mê Linh	Giai đoạn 1 đã hoàn thành GPMB và san nền. Tiếp tục triển khai giai đoạn 2 để tăng hiệu quả đầu tư
7	Nâng cấp, cải tạo Quốc lộ 21B, đoạn qua thị trấn Kim Bài (Km10+350 - Km13+200) kết hợp xây dựng quảng trường, công viên cây xanh, huyện Thanh Oai		1		Thanh Oai	2018-2020	3,8kmx24m	7275/QĐ-UBND ngày 20/10/2016	266.000	24.166			120.000		UBND huyện Thanh Oai	Giám ứn tắc giao thông, đảm bảo ATGT, tạo dựng bộ mặt đô thị khu vực trung tâm huyện
*	Các đường ngoài hàng rào khu công nghiệp															
8	Tuyến đường 30m đầu nối khu vực dự án Điểm thông quan nội địa thành phố Hà Nội tới đường Nguyễn Đức Thuận		1		Gia Lâm	2018-2019	L=866m, B=30m	5990/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	120.764	10.979			60.000		UBND huyện Gia Lâm	

Stt	Danh mục dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/chủ trương đầu tư được duyệt			Lấy kế số vốn đã bố trí/giải ngân đến hết năm 2017		Kế hoạch năm 2018	CTHT năm 2018	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QB	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Dự phòng	Tổng số	Riêng năm 2017				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
B	LĨNH VỰC CẤP THOÁT NƯỚC			3					57.119	4.166	6.000		45.000	3		
I	DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP TỪ NĂM 2016			1					12.965	617	6.000		5.000	1		
1	Cải tạo, công hóa mương Vĩnh Tuy (đoạn phía Bắc đường Minh Khai từ đường Minh Khai đến phố Vĩnh Tuy)			1	Hai Bà Trưng	2016	L=374 m	5787/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	12.965	617	6.000		5.000	1	BQLDA ĐTXD công trình cấp nước, thoát nước và môi trường	Chống úng ngập cục, bố trí vốn để hoàn thành công trình năm 2018
II	DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI NĂM 2018			2					44.154	3.549			40.000	2		
1	Cải tạo thoát nước phố Đội Cấn (từ Giang Văn Minh đến ngã ba Liễu Giai - Đội Cấn)			1	Ba Đình	2017	C3, HTKT	60/QĐ-KH&ĐT ngày 08/3/2013	33.406	3.037			30.000	1	BQLDA ĐTXD công trình cấp nước; thoát nước và môi trường	Đã được phê duyệt đầu tư, nằm trong KH 3 năm 2013-2015, không phải phê duyệt lại CTĐT theo Nghị quyết số 08/2015/NQ-HĐND ngày 01/12/2015
2	Cải tạo thoát nước phố Thanh Đàm, quận Hoàng Mai			1	Hoàng Mai	2017	L=1,1km	6877/QĐ-UBND ngày 15/12/2016	10.748	512			10.000	1	BQLDA ĐTXD công trình cấp nước, thoát nước và môi trường	
C	LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG, HTKT		4	2					2.083.773	60.926	1.359.357	400.000	291.500	6		
I	DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2011-2015		3						1.927.088	57.314	1.347.857	400.000	160.000	3		
*	Môi trường, rác thải															
1	Khu LHXLC T Sóc Sơn giai đoạn II tại huyện Sóc Sơn, Hà nội		1		Sóc Sơn	2012-2016	73,73ha	4910/QĐ-UBND ngày 24/10/2011; 5633/QĐ-UBND ngày 10/10/2016	1.438.430	11.456	1.019.441	240.000	90.000	1	BQLDA ĐTXD công trình cấp nước, thoát nước và môi trường	Công trình trọng điểm 2016-2020
2	Dự án xây dựng nhà máy xử lý nước thải tại xã Sơn Đồng, huyện Hoài Đức		1		Hoài Đức	2014-2017	8000m3/ngđ	5118/QĐ-UBND ngày 26/8/2013	231.523	20.568	159.417	80.000	25.000	1	BQLDA ĐTXD công trình cấp nước, thoát nước và môi trường	
*	Chiếu sáng, HTKT khác															
3	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật xung quanh hồ Linh Quang		1		Đống Đa	2009-2017	4,95ha	4563/QĐ-UB ngày 20/7/2004 5789/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	257.135	25.290	168.999	80.000	45.000	1	BQLDA ĐTXD công trình cấp nước, thoát nước và môi trường	
II	DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP TỪ NĂM 2016			1					25.429	2.312	11.100		5.500	1		
4	Hệ thống chiếu sáng tuyến đường 35 trên địa bàn huyện Sóc Sơn			1	Sóc Sơn	2016	17km	7702/QĐ-SXD ngày 11/10/2013	25.429	2.312	11.100		5.500	1	BQLDA ĐTXD công trình cấp nước, thoát nước và môi trường	Đảm bảo độ sáng, trật tự và ATGT. Bổ sung vốn để hoàn thành công trình trong năm 2018

Stt	Danh mục dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/chủ trương đầu tư được duyệt			Lũy kế số vốn đã bố trí/giải ngân đến hết năm 2017		Kế hoạch năm 2018	CTHT năm 2018	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Dự phòng	Tổng số	Riêng năm 2017				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
III	DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI NĂM 2018		1	1					131.256	1.300	400		126.000	2		
1	Xây dựng tuyến đường vào kết nối khu xử lý rác thải tập trung của Thành phố tại thôn Đồng Ké, xã Trần Phú, huyện Chương Mỹ.			1	Chương Mỹ	2017	1 km	2051/QĐ-SGTVT 01/10/2015	26.865		400		23.000	1	BQLDA ĐTXD công trình cấp nước, thoát nước và môi trường	Đầu tư đồng bộ với tiến độ triển khai dự án Khu xử lý rác Thành phố. Dự án đã có TK, KHLCNT GPMB đất ruộng
2	Xây dựng vườn ươm Song Phượng, huyện Đan Phượng		1		Đan Phượng	2017-2018	San nền, GPMB (s=95.267m2)	7598/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	104.391	1.300			103.000	1	BQLDA ĐTXD công trình cấp nước, thoát nước và môi trường	Thực hiện giải phóng mặt bằng, san nền và các hạ tầng thiết yếu
	KHỐI ODA	5	1	2					71.104.295	8.732.250	9.317.243	4.621.447	5.475.008	2		
	Vốn ODA cấp phát								59.105.603		5.576.835	2.034.072	1.296.608			
	Vốn ODA vay lại										1.740.237	1.700.000	1.212.900			
	Vốn trong nước								11.998.692		2.084.296	971.500	2.965.500			
I	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2011-2015	5	1						70.899.122	8.726.450	9.315.753	4.621.397	5.443.508	2		
II	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ NĂM 2016			2					205.173	5.800	1.490	50	31.500			
III	DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI NĂM 2018															
A	LĨNH VỰC HẠ TẦNG GTVT	3		2					53.967.073	8.732.250	8.075.951	4.222.934	4.051.049			
	Vốn ODA cấp phát								44.649.200		4.651.902	1.691.072	621.211			
	Vốn ODA vay lại										1.679.562	1.679.562	1.135.338			
	Vốn trong nước								9.317.873		1.744.487	852.300	2.294.500			
I	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2011-2015	3							53.761.900	8.726.450	8.074.461	4.222.884	4.019.549			
	Vốn ODA cấp phát								44.462.300		4.650.902	1.691.072	621.211			
	Vốn ODA vay lại										1.679.562	1.679.562	1.105.338			
	Vốn trong nước								9.299.600		1.743.997	852.250	2.293.000			
1	Dự án Xây dựng tuyến đường sắt đô thị thí điểm TP Hà Nội, đoạn Nhôn - Ga Hà Nội	1			Bắc Từ Liêm, Nam Từ Liêm, Cầu Giấy, Ba Đình, Đống Đa, Hoàn Kiếm	2008-2022	12,5km (trên cao 8,5km, đi ngầm 4km)	1970/QĐ-UBND ngày 27/4/2009; 5456/QĐ-UBND ngày 02/11/2010; 4007/QĐ-UBND ngày 28/6/2013	32.910.000	5.384.150	7.044.923	4.080.634	3.500.656		Ban quản lý Đường sắt đô thị Hà Nội	Công trình trọng điểm 2016-2020
	Vốn ODA cấp phát							Trong đó: + Vốn ODA cấp phát: 469.524 tr. Euro tương đương 10.986.677 tr. đồng.			4.010.815	1.641.072	310.318			
	Vốn ODA vay lại							+ Vốn ODA vay lại: 487.732 tr. Euro tương đương 15.821.323 tr. đồng	26.808.000		1.679.562	1.679.562	1.100.338			
	Vốn trong nước								6.102.000		1.354.546	760.000	2.090.000			

Stt	Danh mục dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/chủ trương đầu tư được duyệt			Lũy kế số vốn đã bố trí/giải ngân đến hết năm 2017		Kế hoạch năm 2018	CTHT năm 2018	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Dự phòng	Tổng số	Riêng năm 2017				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
2	Dự án Tăng cường giao thông đô thị bền vững cho dự án Đường sắt đô thị số 3 Hà Nội	1			Bắc Từ Liêm, Nam Từ Liêm, Cầu Giấy, Ba Đình, Đống Đa, Hoàn Kiếm	2014-2022	Cải tạo và XD hệ thống tiếp cận của 12 ga tuyến 3; XD 02 điểm trung chuyển; thí điểm sử dụng bus thân thiện MT	3921/QĐ-UBND ngày 23/7/2014	1.296.900	300.300	15.050	250	18.500		BQLDA ĐTXD công trình giao thông	
	Vốn ODA cấp phát						1USD=22.000VNĐ	Tr.đó vay lại 16,153 tr.USD/53,15 tr.USD	1.169.300		5.000		10.500			
	Vốn ODA vay lại												5.000			
	Vốn trong nước								127.600		10.050	250	3.000			
3	Dự án Tuyến đường sắt đô thị TPHN (tuyến 2) đoạn Nam Thăng Long - Trần Hưng Đạo	1			Từ Liêm, Tây Hồ, Cầu Giấy, Ba Đình, Hoàn Kiếm, Hai Bà Trưng	2009-2022 (dự kiến)	11,5km (8,5km ngầm và 3km trên cao)	2054/QĐ-UBND ngày 13/11/2008	19.555.000	3.042.000	1.014.488	142.000	500.393		Ban quản lý Đường sắt đô thị Hà Nội	Công trình trọng điểm 2016-2020
	Vốn ODA cấp phát							Tr. Đó vay lại 250 triệu/1,3 tỷ USD (Theo TMDT cũ và cơ chế cũ CP đã phê duyệt)	16.485.000		635.087	50.000	300.393			
	Vốn ODA vay lại															
	Vốn trong nước							GPMB cũ 1.312 tỷ đồng; DP:529 tỷ	3.070.000		379.401	92.000	200.000			
II	DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP TỪ NĂM 2016			2					205.173	5.800	1.490	50	31.500			
	Vốn ODA cấp phát								186.900		1.000					
	Vốn ODA vay lại												30.000			
	Vốn trong nước								18.273		490	50	1.500			
1	Hỗ trợ phát triển hệ thống thẻ vé liên thông cho VTCC Hà Nội			1	Hà Nội	2017-2019		2347/QĐ-UBND ngày 16/5/2016	68.253		50	50	1.500		Sở GTVT	
	Vốn ODA cấp phát							350 triệu Yên Nhật	65.100							Vốn ODA giải ngân trực tiếp cho TV Nhật
	Vốn ODA vay lại															
	Vốn trong nước								3.153		50	50	1.500			
2	Hỗ trợ chủ đầu tư quản lý dự án tuyến đường sắt đô thị thí điểm thành phố Hà Nội, đoạn Nhôn - Ga Hà Nội			1	Hà Nội	2015-2018		5141/QĐ-UBND ngày 09/10/2015	136.920	5.800	1.440		30.000		Ban quản lý Đường sắt đô thị Hà Nội	
	Vốn ODA cấp phát										1.000					
	Vốn ODA vay lại							1USD=21.000	121.800				30.000			
	Vốn trong nước								15.120		440					Vốn đối ứng là nguồn sự nghiệp
B	LĨNH VỰC CẤP THOÁT NƯỚC - MÔI TRƯỜNG	2							17.048.036		1.234.292	398.513	1.362.959	1		
	Vốn ODA cấp phát								14.379.217		924.933	343.000	615.397			
	Vốn ODA vay lại										60.675	20.438	77.562			
	Vốn trong nước								2.668.819		332.809	119.200	670.000			

Stt	Danh mục dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/chủ trương đầu tư được duyệt			Lũy kế số vốn đã bỏ trãi/giải ngân đến hết năm 2017		Kế hoạch năm 2018	CTHT năm 2018	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Dự phòng	Tổng số	Riêng năm 2017				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
I	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2011-2015	2							17.048.036		1.234.292	398.513	1.362.959	1		
	Vốn ODA cấp phát								14.379.217		924.933	343.000	615.397			
	Vốn ODA vay lại										60.675	20.438	77.562			
	Vốn trong nước								2.668.819		332.809	119.200	670.000			
I	Chương trình nước sạch và vệ sinh nông thôn dựa trên kết quả tại 8 tỉnh đồng bằng sông Hồng, vốn vay Ngân hàng Thế giới (WB) của TP Hà Nội	1			Ba Vì, Phúc Thọ, Mỹ Đức, Thanh Oai, Thường Tín, Chương Mỹ, Mê Linh	2013-2018	23,950m3/ ng đêm (7 công trình cấp nước tập trung)	Cụ thể theo các QĐ của dự án đã phê duyệt 06/07 dự án và 01 dựa sn theo quyết định phê duyệt chuẩn bị đầu tư	754.592		415.731	70.513	148.562	1	Sở NN&PTNT, Sở Y tế, BQLDA ĐTXD công trình văn hóa - xã hội	TMBT bao gồm vốn XDCB và SNKT
	Vốn ODA cấp phát							QĐ số 2283/QĐ-BNN-HTQT ngày 21/9/2012 của Bộ NNPTNT; tr.đó vay lại 8,919 tr.USD/30,577 tr.USD vốn ODA	670.175		421.870	130.000	71.000			
	Vốn ODA vay lại							Bao gồm 10% /tổng vốn ODA và 67.119 tr. đồng)	84.417		60.675	20.438	77.562			
	Vốn trong nước										17.311	4.200				- Chưa tính phần đối ứng do dân đóng góp 10% trong KH 5 năm
2	Dự án Xây dựng hệ thống xử lý nước thải Yên Xá Thành phố Hà Nội	1			Thanh Trì	2013-2021	270.000m3/ ngày đêm	7051/QĐ-UBND ngày 20/11/2013	16.293.444		818.561	328.000	1.214.397		BQLDA ĐTXD công trình cấp nước, thoát nước và môi trường	Công trình trọng điểm 2016-2020
	Vốn ODA cấp phát								13.709.042		503.063	213.000	544.397			
	Vốn ODA vay lại															
	Vốn trong nước								2.584.402		315.498	115.000	670.000			
C	LĨNH VỰC Y TẾ, GD-ĐT, CNTT, KHÁC		1						89.186		7.000		61.000	1		
	Vốn ODA cấp phát								77.186				60.000			
	Vốn ODA vay lại															
	Vốn trong nước								12.000		7.000		1.000			
I	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2011-2015		1						89.186		7.000		61.000	1		
	Vốn ODA cấp phát								77.186				60.000			
	Vốn ODA vay lại															
	Vốn trong nước								12.000		7.000		1.000			
I	Hợp phần Bệnh viện Đa khoa Sơn Tây thuộc dự án Phát triển Bệnh viện tỉnh, vùng giai đoạn 2		1		Sơn Tây	2013-2016	Lắp đặt hệ thống trang thiết bị y tế; đào tạo cán bộ	4472/QĐ-UBND ngày 26/7/2013	89.186		7.000		61.000	1	Bệnh viện đa khoa Sơn Tây	
	Vốn ODA cấp phát								77.186				60.000			
	Vốn ODA vay lại															

Stt	Danh mục dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/chủ trương đầu tư được duyệt			Lũy kế số vốn đã bố trí/giải ngân đến hết năm 2017		Kế hoạch năm 2018	CTHT năm 2018	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Dự phòng	Tổng số	Riêng năm 2017				
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	Vốn trong nước								12.000		7.000		1.000			
II	DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI NĂM 2018															
	KHỞI VĂN HÓA XÃ HỘI		12	3					3.612.214	502.541	1.168.290	353.900	1.182.000	10		
I	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2011-2015		6						2.236.399	348.250	1.059.723	302.900	635.000	5		
II	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ NĂM 2016		3						1.079.957	123.176	107.317	51.000	330.000	1		
III	DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI NĂM 2018		3	3					295.858	31.115	1.250		217.000	4		
A	LĨNH VỰC GIÁO DỤC ĐÀO TẠO		4	1					450.618	39.494	155.304	57.000	205.000	4		
I	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2011-2015		1						113.454		62.554	7.000	50.000	1		
I	Xây dựng, cải tạo Trường cán bộ Đội Lê Duẩn giai đoạn 2		1		Ba Đình	2010-2017	03 tầng, 9.535 m2	6635/QĐ-UBND ngày 21/12/09; 5692/QĐ-UBND ngày 15/11/10; 7307/QĐ-UBND ngày 30/12/2015	113.454		62.554	7.000	50.000	1	Trường Đội Lê Duẩn	
II	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ NĂM 2016		1						145.588	16.449	91.700	50.000	30.000	1		
I	Xây dựng Trường THPT Phan Huy Chú huyện Quốc Oai		1		Quốc Oai	2016-2018	22 phòng học và hạng mục phụ trợ	5680/QĐ-UBND ngày 31/10/2014	145.588	16.449	91.700	50.000	30.000	1	UBND huyện Quốc Oai	
III	DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI NĂM 2018		2	1					191.576	23.045	1.050		125.000	2		
I	Xây dựng nhà trẻ, mẫu giáo tại ô đất NT-01 khu nhà ở công nhân tại xã Kim Chung, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội			1	Đông Anh	2017	Xây dựng mới 6 phòng học và các hạng mục phụ trợ	302/QĐ-UBND ngày 16/01/2017	18.684	2.027	250		16.000	1	UBND huyện Đông Anh	
2	Xây dựng, mở rộng Trường THPT Thạch Thất		1		Thạch Thất	2018	Xây dựng lại 24 phòng học lý thuyết (trên cơ sở phá dỡ 24 phòng học đã hết niên hạn) và 09 phòng học bộ môn	7503/QĐ-UBND ngày 27/10/2017	65.000	5.853			59.000	1	UBND huyện Thạch Thất	Đầu tư đạt chuẩn
3	Xây dựng công trình trường THPT Hoài Đức C		1		Hoài Đức	2020	Xây dựng trường mới 15 phòng học, nhà bộ môn, nhà hiệu bộ, HTKT	5435/QĐ-UBND ngày 21/10/2014	107.892	15.165	800		50.000		UBND huyện Hoài Đức	NSTP đầu tư 50%, phần kinh phí còn lại Huyện bố trí. Năm 2017, ngân sách Huyện đã bố trí 25 tỷ đồng

Stt	Danh mục dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/chủ trương đầu tư được duyệt			Lũy kế số vốn đã bố trí/giải ngân đến hết năm 2017		Kế hoạch năm 2018	CTHT năm 2018	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Dự phòng	Tổng số	Riêng năm 2017				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
B	LĨNH VỰC Y TẾ		5						2.216.100	366.664	720.282	284.600	720.000	3		
I	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2011-2015		3						1.281.731	259.937	704.665	283.600	420.000	3		
1	Đầu tư nâng cấp Bệnh viện Thanh Nhân - Giai đoạn 2		1		Hai Bà Trưng	2012-2018	550 giường	5086/QĐ-UB ngày 31/10/2011	458.938	97.570	333.367	154.000	100.000	1	BQLDA ĐTXD công trình văn hóa - xã hội	Công trình trọng điểm 2016-2020. Công trình dự kiến hoàn thành năm 2017 nhưng được UBNDTP chỉ đạo bổ sung 03 phòng mổ hiện đại nên cần bổ sung vốn để hoàn thành 2018
2	Đầu tư nâng cấp bệnh viện phụ sản Hà Nội		1		Ba Đình	2012-2018	310 giường	5085/QĐ-UBND ngày 31/10/2011	324.729	91.111	224.466	85.000	50.000	1	BQLDA ĐTXD công trình văn hóa - xã hội	
3	Mở rộng và Nâng cấp Bệnh viện đa khoa huyện Ba Vì đạt tiêu chuẩn Bệnh viện hạng II		1		Ba Vì	2012-2018	260 giường	5084/QĐ-UBND ngày 31/10/2011	498.064	71.256	147.232	45.000	270.000	1	BQLDA ĐTXD công trình văn hóa - xã hội	
II	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ NĂM 2016		2						934.369	106.727	15.617	1.000	300.000			
1	Xây dựng Bệnh viện Nhi Hà Nội		1		Hà Đông	2016-2020	200 giường	4908/QĐ-UBND ngày 30/9/2015	784.433	87.170	12.041	1.000	200.000		BQLDA ĐTXD công trình văn hóa - xã hội	Dự án đang rà soát, điều chỉnh thiết kế, quy mô đạt tiêu chuẩn Châu Âu.
2	Nâng cấp Bệnh viện đa khoa huyện Thường Tín		1		Thường Tín	2016-2018	250 giường	5060/QĐ-UBND ngày 28/10/2011	149.936	19.557	3.576		100.000		BQLDA ĐTXD công trình văn hóa - xã hội	Thông báo số 385-TB/TU ngày 23/9/2016 của Thành ủy Dự án đang được rà soát, điều chỉnh quy mô cho phù hợp Quy hoạch thị trấn trung tâm huyện Thường Tín.
C	LĨNH VỰC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH		2	1					871.110	91.030	292.504	12.300	191.000	2		
I	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2011-2015		2						841.214	88.313	292.504	12.300	165.000	1		
1	Dự án tu bổ tôn tạo di tích đền Ngọc Sơn		1		Hoàn Kiếm	2017	Tu bổ	4985/QĐ-UBND ngày 31/10/2012	52.210	4.746	10.495	10.000	15.000	1	Sở Văn hóa và Thể thao	Phản kinh phí còn lại là vốn huy động ngoài ngân sách. Sở Văn hóa TT (2015 bố trí 18 tỷ nguồn thu từ di tích)
2	Bảo tàng Hà Nội (Nội dung trưng bày)		1		Nam Từ Liêm	2016-2019	54.150 m2	1424/QĐ-UBND ngày 21/4/2008; 5099/QĐ-UBND ngày 07/11/2012	789.004	83.567	282.009	2.300	150.000		Bảo tàng Hà Nội	Chủ đầu tư đang nghiên cứu, điều chỉnh phương án trưng bày tổng thể theo chỉ đạo của UBND Thành phố
II	DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI NĂM 2018			1					29.896	2.717			26.000	1		
1	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Đông Viên, xã Đông Quang, huyện Ba Vì			1	Ba Vì	2017	Tu bổ, tôn tạo Đại Đình, Nhà tá, hữu vu...	412/QĐ-UBND ngày 07/5/2014	29.896	2.717			26.000	1	UBND huyện Ba Vì	Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử văn hóa nay đã bị xuống cấp nghiêm trọng

Stt	Danh mục dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/chủ trương đầu tư được duyệt			Lũy kế số vốn đã bố trí/giải ngân đến hết năm 2017		Kế hoạch năm 2018	CTHT năm 2018	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Dự phòng	Tổng số	Riêng năm 2017				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
D	LĨNH VỰC DẠY NGHỀ		1	1					74.386	5.353	200		66.000	1		
I	DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2011-2015															
II	DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI NĂM 2018		1	1					74.386	5.353	200		66.000	1		
1	Cải tạo, nâng cấp trường Trung cấp nghề Cơ khí 1			1	Đông Anh	2017	Bổ sung 12 phòng học còn thiếu + hội trường với diện tích XD 1.969 m ² ; Cải tạo 1.000 m ² sân bê tông. Sau đầu tư có 24 phòng học; Đáp ứng quy mô 2.200 hs	6002/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	14.959	723	200		13.000	1	BQLDA ĐTXD công trình văn hóa - xã hội	Dự án tạm dừng triển khai dự án giai đoạn 2013 -2015. Hiện nay cơ sở vật chất nhà trường quá xuống cấp. Dự án đã được phê duyệt. Phục vụ chỉ tiêu tỷ lệ lao động qua đào tạo.
2	Dự án sửa chữa chống xuống cấp Trường Cao đẳng nghề Công nghệ cao Hà Nội		1		Nam Từ Liêm	2017-2018	Chỉ cải tạo sửa chữa đảm bảo điều kiện học tập của 5.000 - 6.000 học sinh	6036/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	59.427	4.630			53.000		BQLDA ĐTXD công trình văn hóa - xã hội	Công trình xuống cấp nghiêm trọng cần cải tạo sửa chữa cấp bách. Phục vụ chỉ tiêu tỷ lệ lao động qua đào tạo.
	KHỞI CÔNG NGHIỆP - THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ		5	2					790.183	72.138	529.824	98.800	132.000	7		
I	DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2011-2015		3						596.708	43.356	410.577	98.800	83.000	3		
II	DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP TỪ NĂM 2016		2						163.747	27.369	118.557		23.000	2		
III	DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI NĂM 2018			2					29.728	1.413	690		26.000	2		
A	LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP		5						760.455	70.725	529.134	98.800	106.000	5		
I	DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2011-2015		3						596.708	43.356	410.577	98.800	83.000	3		
1	Xây dựng đường nối Quốc lộ 3 - Cụm công nghiệp tập trung Sóc Sơn		1		Sóc Sơn	2010-2018	Tuyến 1: L= 2.871m; Tuyến 2: L= 595m	1065/QĐ-UBND ngày 24/02/2014	360.000	28.582	270.722	80.000	40.000	1	UBND huyện Sóc Sơn	Vốn NSTP 214,75 tỷ đồng, còn lại vốn NS huyện. Ngày 18/4/2016, tại cuộc họp về CCN tập trung Sóc Sơn CN3, Chủ tịch UBND Thành phố đồng ý cho phép CĐT báo cáo UBND TP xem xét bố trí vốn NSTP hỗ trợ phần dự án chưa thực hiện.
2	Xây dựng tuyến đường gom Bắc Thăng Long-Nội Bài, đoạn qua Khu công nghiệp Quang Minh I		1		Mê Linh	2015-2017	L= 154,7m; B=24m	7458/QĐ-UBND ngày 09/12/2013; 6285/QĐ-UBND ngày 15/11/2016	100.754	2.415	60.984	9.500	35.000	1	BQLDA ĐTXD công trình giao thông	Giải quyết bức xúc về tai nạn giao thông cho công nhân KCN Quang Minh.

Stt	Danh mục dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/chủ trương đầu tư được duyệt			Lấy kế số vốn đã bỏ tri/giải ngân đến hết năm 2017		Kế hoạch năm 2018	CTHT năm 2018	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Dự phòng	Tổng số	Riêng năm 2017				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
3	Xây dựng đường gom nối đường Đài Tư-Sãi Đồng A ra quốc lộ 5		1		Long Biên, Gia Lâm	2010-2016	L=1150m; B=16,25m	128/QĐ-UBND ngày 12/01/2010	135.954	12.359	78.871	9.300	8.000	1	BQLDA ĐTXD công trình giao thông	DA không sử dụng hết TMDT do GPMB giảm từ 67.637trđ xuống 31.000 trđ
II	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ NĂM 2016		2						163.747	27.369	118.557		23.000	2		
1	Xây dựng nâng cấp mở rộng đường nhánh nối Quốc lộ 1A với đường cao tốc Pháp Vân-Cầu Giẽ, đoạn qua Khu công nghiệp hỗ trợ Nam Hà Nội		1		Phủ Xuyên	2.016	L=750m; B=44-45,5m	3084/QĐ-UBND ngày 02/7/2015	89.172	18.630	61.557		8.000	1	BQLDA ĐTXD công trình giao thông	Hoàn thiện HTKT ngoài hàng rào KCN hỗ trợ Nam Hà Nội. TMDT dự án giảm
2	Xây dựng hệ thống thoát nước Khu công nghiệp hỗ trợ Nam Hà Nội (giai đoạn I)		1		Phủ Xuyên	2.016	18000m3/h	5052/QĐ-UBND ngày 06/10/2015	74.575	8.739	57.000		15.000	1	UBND huyện Phú Xuyên	Đảm bảo tiêu thoát nước cho KCN hỗ trợ Nam Hà Nội
B	LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI			2					29.728	1.413	690		26.000	2		
I	DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI NĂM 2018			2					29.728	1.413	690		26.000	2		
1	Xây dựng trụ sở làm việc Đội QLTT số 16 trực thuộc Chi cục quản lý thị trường Hà Nội			1	Long Biên	2018	2162m2	5447/QĐ-SCT ngày 6/6/2016	14.985	660	690		13.000	1	Sở Công thương	
2	Xây dựng trụ sở làm việc Đội QLTT số 7 trực thuộc Chi cục Quản lý thị trường Hà Nội.			1	Thanh Trì	2018	DT đất 1000m2	7627/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	14.743	753			13.000	1	BQLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp	
	KHỐI NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT	3	8	13					11.440.188	1.318.975	4.496.348	1.266.730	3.537.050	20		
I	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2011-2015	3	3						10.065.572	1.171.959	4.233.419	1.076.730	2.734.550	3		
II	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ NĂM 2016		2						294.959	41.838	260.471	190.000	105.000	2		
III	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ NĂM 2017															
IV	DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI NĂM 2018		3	13					1.079.657	105.178	2.458		697.500	15		
A	LĨNH VỰC ĐỀ ĐIỀU		4	13					1.336.423	147.991	169.602	80.000	717.500	16		
I	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2011-2015		1						256.766	42.813	167.144	80.000	20.000	1		
1	Xây dựng đường hành lang chân đề tuyến đề hữu Đà, hữu Hồng huyện Ba Vì		1		Ba Vì	2012-2018	44.912m	5076/QĐ-UBND ngày 31/10/2011	256.766	42.813	167.144	80.000	20.000	1	BQLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	Thông báo số 78-TB/TU ngày 18/3/2016 Rà soát, cắt giảm quy mô đầu tư (chỉ thực hiện những đoạn qua khu dân cư)
II	DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI NĂM 2018		3	13					1.079.657	105.178	2.458		697.500	15		
1	Nâng cấp, cải tạo bề mặt Đáy đoạn xã Đồng Tiến và thị trấn Văn Đình huyện Ứng Hoà		1		Ứng Hòa	2017	5.622m	5551/QĐ-UBND ngày 28/10/2014	57.095	10.962	2.258		50.000	1	UBND huyện Ứng Hòa	

Stt	Danh mục dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/chủ trương đầu tư được duyệt			Lũy kế số vốn đã bố trí/giải ngân đến hết năm 2017		Kế hoạch năm 2018	CTHT năm 2018	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Dự phòng	Tổng số	Riêng năm 2017				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
2	Kè chống sạt lở và cứng hoá mặt đê sông Lương, huyện Phú Xuyên			1	Phú Xuyên	2018-2019	5.920m	6526/QĐ-UBND ngày 30/10/2013 5268/QĐ-UBND ngày 07/08/2017	46.223	3.864	200		40.000	1	UBND huyện Phú Xuyên	Rà soát, cắt giảm quy mô phần đã được xử lý cấp bách
3	Xử lý sạt bờ hữu sông Đà khu vực xã Minh Quang, huyện Ba Vì			1	Ba Vì	2018-2019	2.144m	6151/QĐ-UBND ngày 31/8/2017	49.772	3.275			45.000	1	BQLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	Thông báo số 78-TB/TU ngày 18/3/2016 của Thành ủy
4	Xử lý chống sạt lở bờ hữu sông Hồng thuộc địa bàn xã Phong Vân, huyện Ba Vì			1	Ba Vì	2018-2019	950m	6196/QĐ-UBND ngày 05/9/2017	28.855	1.231			26.500	1	UBND huyện Ba Vì	Thông báo số 78-TB/TU ngày 18/3/2016 của Thành ủy
5	Gia cố kè chống sạt lở bờ hữu sông Hồng thuộc địa bàn xã Chu Minh, huyện Ba Vì			1	Ba Vì	2018-2019	485m	7563/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	16.127	1.393			15.000	1	BQLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	Thông báo số 78-TB/TU ngày 18/3/2016 của Thành ủy TMDT theo Chủ trương đầu tư được duyệt là 50 tỷ đồng. Dự án được tách ra một đoạn K21+500-K22+800 để xử lý cấp bách, dự kiến kinh phí 32 tỷ đồng (vấn bản chấp thuận số 6783/VP-KT của UBND TP)
6	Kè chống sạt bờ hữu sông Hồng khu vực cuối kè An Cảnh, huyện Thường Tín			1	Thường Tín	2018-2020	911m	7567/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	60.197	7.314			55.000	1	BQLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	
7	Kè chống sạt lở bờ hữu sông Đáy đoạn qua khu dân cư giáp cầu Phùng Xá, xã Phùng Xá, huyện Mỹ Đức			1	Mỹ Đức	2018	478m	7550/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	8.069	384			7.000	1	UBND huyện Mỹ Đức	Thông báo số 227-TB/TU ngày 16/6/2016 của Thành ủy Hỗ trợ đề cấp IV
8	Kè chống sạt lở bờ hữu đáy đoạn cầu phao Áng Hạ, xã Lê Thanh, huyện Mỹ Đức			1	Mỹ Đức	2018	343m	7551/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	7.225	344			6.000	1	UBND huyện Mỹ Đức	Thông báo số 227-TB/TU ngày 16/6/2016 của Thành ủy Hỗ trợ đề cấp IV
9	Kè chống sạt lở bờ hữu sông Đáy từ thôn Phú Yên, xã Phúc Lâm đến thôn Vĩnh Xương, xã Mỹ Thành, huyện Mỹ Đức			1	Mỹ Đức	2018-2019	1.370m	7578/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	18.000	583			16.000	1	UBND huyện Mỹ Đức	Thông báo số 227-TB/TU ngày 16/6/2016 của Thành ủy Hỗ trợ đề cấp IV
10	Xử lý sạt lở bờ sông Đáy qua địa bàn xã Lam Điền, huyện Chương Mỹ			1	Chương Mỹ	2018-2019	540m	7541/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	22.344	3.247			19.000	1	UBND huyện Chương Mỹ	NSTP bố trí cho XL và chi khác; còn lại NS huyện chi GPMB
11	Cải tạo, nâng cấp tuyến đê hữu Đáy tuyến đường tỉnh lộ 421A từ Liên Hiệp Phúc Thọ – Yên Sơn – Thị trấn (tỉnh lộ 419) đi Tân Hòa, huyện Quốc Oai			1	Quốc Oai	2018-2019	L=9,99km; Bn=7,5m	7590/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	69.963	3.210			66.000	1	UBND huyện Quốc Oai	Đề cấp III
12	Xử lý sạt lở bờ hữu sông Tô Lịch, xã Khánh Hà, huyện Thường Tín			1	Thường Tín	2018-2019	929m	7549/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	24.946	3.415			22.000	1	BQLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	
13	Kè bờ tả sông Đuống đoạn thượng và hạ lưu cầu Đuống, huyện Gia Lâm và huyện Đông Anh		1		Gia Lâm, Đông Anh	2018-2020	1.205m	7571/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	103.897	7.569			98.000	1	BQLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	Thông báo số 547-TB/TU ngày 14/02/2017 của Thành ủy
14	Cải tạo, nâng cấp tuyến đê tả Đáy kết hợp giao thông trên địa bàn huyện Hoài Đức		1		Hoài Đức	2017-2020	16.790m	7562/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	418.855	41.160			100.000		UBND huyện Hoài Đức	Thông báo số 318-TB/TU ngày 05/8/2016 của Thành ủy (NSTP: 60%, NS huyện: 40%)

Stt	Danh mục dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/chủ trương đầu tư được duyệt			Lũy kế số vốn đã bố trí/giải ngân đến hết năm 2017		Kế hoạch năm 2018	CTHT năm 2018	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QB	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Dự phòng	Tổng số	Riêng năm 2017				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
15	Nâng cấp các tuyến bờ bao sông Tích phục vụ công tác phòng chống lũ và nâng cao hệ số sử dụng đất trên địa bàn huyện Quốc Oai			1	Quốc Oai	2018-2019	10.961,61m	7576/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	77.531	9.358			68.000	1	UBND huyện Quốc Oai	Thông báo số 307-TB/TU ngày 25/7/2016 của Thành ủy Hỗ trợ đề cấp IV
16	Xây dựng đường hành lang thương lưu đề hữu Hồng kết hợp làm đường giao thông để di chuyển đường ra vào cảng Sơn Tây, thị xã Sơn Tây.			1	Sơn Tây	2018-2020	2.700m	7579/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	70.558	7.869			64.000	1	BQLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	Thông báo số 526-TB/TU ngày 19/01/2017 của Thành ủy
B	LĨNH VỰC THỦY LỢI	2	4						8.701.331	1.043.490	3.899.746	986.730	2.319.550	4		
I	DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2011-2015	2	2						8.406.372	1.001.652	3.639.275	796.730	2.214.550	2		
1	Tiếp nước cái tạo khôi phục sông Tích từ Lương Phú xã Thuận Mỹ, huyện Ba Vì	1			Ba Vì	2011-2020	Tưới 16000ha, khôi phục 27km lòng sông Tích	4927/QĐ-UBND ngày 06/10/2010; 1054/QĐ-UBND ngày 04/3/2016	4.253.765	404.096	2.526.897	410.950	600.000		Sở Nông nghiệp và PTNT	Thông báo số 78-TB/TU ngày 18/3/2016 Công trình trọng điểm 2016-2020
2	Cải thiện hệ thống tiêu nước khu vực phía Tây thành phố Hà Nội (trạm bơm tiêu Yên Nghĩa)	1			Hà Đông	2015-2020	Tiểu 6300ha	1834/QĐ-UBND ngày 23/02/2013	3.916.491	569.525	971.346	360.000	1.583.250		Sở Nông nghiệp và PTNT	Công trình trọng điểm 2016-2020
3	Nạo vét, củng cố bờ kênh Tân Phương kết hợp giao thông huyện Ứng Hòa		1		Ứng Hòa	2012-2017	2.500m	5370/QĐ-UBND ngày 29/10/2010	166.126	21.669	93.500	5.000	25.000	1	UBND huyện Ứng Hòa	GD I: 120,0 tỷ Rà soát, cắt giảm quy mô
4	Cải tạo thoát nước sông Pheo, huyện Từ Liêm		1		Bắc Từ Liêm	2012-2017	6.450m	5668/QĐ-UBND ngày 20/12/2006, 2913/QĐ-UBND ngày 27/6/2012	69.990	6.362	47.532	20.780	6.300	1	BQLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	Năm 2017 điều chỉnh giảm KH vốn do vướng mắc GPMB.
II	DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP TỪ NĂM 2016		2						294.959	41.838	260.471	190.000	105.000	2		
1	Nâng cấp và xây dựng mô hình hiện đại hoá hệ thống tưới Hạ Dục, huyện Chương Mỹ		1		Chương Mỹ	2015-2017	Tưới 1.050ha	4849/QĐ-UBND ngày 25/10/2012	150.125	23.305	53.974	50.000	50.000	1	BQLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	Phục vụ vùng lúa chất lượng cao xã Thượng Vực, Đồng Phú, Văn Võ, Hòa Chính, Phú Nam An. Rà soát, cắt giảm quy mô
2	Xây dựng trạm bơm tưới Thụy Phú II, huyện Phú Xuyên		1		Phú Xuyên	2015-2018	Tưới 4.668ha	4837/QĐ-UBND ngày 24/10/2012	144.834	18.533	71.700	40.000	55.000	1	BQLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	Phục vụ vùng thủy sản công nghệ cao xã Trì Trung

Stt	Danh mục dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/chủ trương đầu tư được duyệt			Lấy kế số vốn đã bỏ trí/giải ngân đến hết năm 2017		Kế hoạch năm 2018	CTHT năm 2018	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Dự phòng	Tổng số	Riêng năm 2017				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
C	LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG	1							1.402.434	127.494	427.000	200.000	500.000			
I	DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2011-2015	1							1.402.434	127.494	427.000	200.000	500.000			
I	Xây dựng tổng thể hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai của thành phố Hà Nội	1			Hà Nội	2015-2020	101.356ha; 81.442 thửa	6264/QĐ-UBND ngày 27/11/2014	1.402.434	127.494	427.000	200.000	500.000		Sở Tài nguyên và Môi trường	Tại cuộc họp ngày 01/7/2017, Chủ tịch UBND TP đã chỉ đạo cho tiếp tục triển khai dự án. Tại Thông báo 810-TB/TU ngày 30/6/2017 có KL chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ DA
	<u>KHOI BẢO, ĐÀI, KHOA HỌC CÔNG NGHỆ, THÔNG TIN TRUYỀN THÔNG</u>	1							794.724	179.666	642.035	291.462	150.000	1		
I	DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2011-2015	1							794.724	179.666	642.035	291.462	150.000	1		
A	LĨNH VỰC KHOA HỌC CÔNG NGHỆ	1							794.724	179.666	642.035	291.462	150.000	1		
I	DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2011-2015	1							794.724	179.666	642.035	291.462	150.000	1		
I	Dự án Trung tâm giao dịch công nghệ thường xuyên Hà Nội	1			Tây Hồ	2013-2017	43.698 m2 sàn	4941/QĐ-UBND ngày 30/10/2012; 5218/QĐ-UBND ngày 22/9/2016	794.724	179.666	642.035	291.462	150.000	1	BQLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp	Dự án đang tổ chức lập hồ sơ trình điều chỉnh dự án. Dự kiến tổng mức đầu tư điều chỉnh là 995,3 tỷ đồng (DP 58,9 tỷ đồng). Dự án được cải tạo, hoàn thiện, dự kiến bố trí văn phòng làm việc cho 08 Sở, ngành. Dự kiến bổ sung nguồn vốn dự phòng đầu tư công theo tổng mức đầu tư điều chỉnh để hoàn thành dự án trong năm 2018.
	<u>KHOI HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC (XÂY DỰNG TRỤ SỞ CƠ QUAN THUỘC THÀNH PHỐ)</u>		2						941.715	62.515	153.000	150.000	520.000			
I	DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP TỪ NĂM 2017		1						687.668	62.515	153.000	150.000	400.000			
I	Xây dựng trụ sở cơ quan Thành ủy Hà Nội		1		Hoàn Kiếm	2017-2019	Xây mới công trình cao 9 tầng + 01 tầng lửng và 04 tầng hầm; Sxd=30.553m2	5453/QĐ-UBND ngày 09/8/2017	687.668	62.515	153.000	150.000	400.000		BQLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp	Thông báo số 123-TB/TU ngày 28/4/2016.
II	DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI NĂM 2018		1						254.047				120.000			
I	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu liên cơ quan quận Bắc Từ Liêm		1		Bắc Từ Liêm	2018-2020		7618/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	254.047				120.000		UBND quận Bắc Từ Liêm	Phản vốn còn lại do ngân sách Quận đối ứng từ nguồn thu đầu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn Quận

Stt	Danh mục dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/chủ trương đầu tư được duyệt			Lũy kế số vốn đã bỏ tri/giải ngân đến hết năm 2017		Kế hoạch năm 2018	CTHT năm 2018	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Dự phòng	Tổng số	Riêng năm 2017				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	KHỐI AN NINH - QUỐC PHÒNG -PCCC - TỬ PHÁP	1	3						430.676		53.000	18.000	158.000			
I	DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2011-2015	1							95.676		53.000	18.000	18.000			
II	DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI NĂM 2018		3						335.000				140.000			
A	LĨNH VỰC QUỐC PHÒNG	1	3						430.676		53.000	18.000	158.000			
I	DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2011-2015	1							95.676		53.000	18.000	18.000			
I	STN.01.1	1			Hà Nội	2014-2017		230/QĐ-UBND ngày 30/10/2013	95.676		53.000	18.000	18.000		Bộ Tư lệnh Thủ đô	TP đầu tư
II	DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI NĂM 2018		3						335.000				140.000			
I	Kho cất chứa vũ khí trang bị K90, K91/BTL Thủ đô		1		Chương Mỹ, Sóc Sơn	2018-2020		5487/QĐ-BQP ngày 31/12/2016	195.000				50.000		Bộ Tư lệnh Thủ đô	Dự án do Bộ Quốc phòng phê duyệt, đã nằm trong danh mục dự án khởi công mới 2017-2020 tại NQ số 02/NQ-HĐND ngày 03/7/2017 của HĐND TP. Hiện nay, BQP đang làm thủ tục thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn với TP.
2	Doanh trại Tiểu đoàn trinh sát 20/BTL Thủ đô		1		Nam Từ Liêm	2018-2020		3818/QĐ-BQP ngày 16/9/2017	75.000				45.000		Bộ Tư lệnh Thủ đô	NT
3	Doanh trại Ban chỉ huy quân sự huyện Thanh Oai		1		Thanh Oai	2018-2020		5490/QĐ-BQP ngày 31/12/2016	65.000				45.000		Bộ Tư lệnh Thủ đô	NT

DANH MỤC DỰ ÁN ĐỀ XUẤT BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2016-2020 VÀ BỐ TRÍ KẾ HOẠCH NĂM 2018 CỦA CẤP THÀNH PHỐ

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Tổng số dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án/chủ trương đầu tư được duyệt			Lũy kế số vốn đã bỏ/tri/dã giải ngân đến hết năm 2017		KH năm 2018	CTHT 2018	Chủ đầu tư	Ghi chú
						Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Dự phòng	Tổng số	Năm 2017				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	TỔNG SỐ	3					6.683.114	699.985	7.216.427	118.553	35.800	3		
I	CÁC DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2011-2015	1					6.661.757	699.985	7.192.327	95.853	31.000	1		
I.1	LĨNH VỰC HẠ TẦNG ĐÔ THỊ	1					6.661.757	699.985	5.121.427	85.100	31.000	1		
1	Xây dựng đường 5 kéo dài (cầu Chui - cầu Đông Trù - Phương Trạch - Bắc Thăng Long)	1	Đông Anh, Long Biên	2005-2014	15kmx(68-72,5)m	1881/QĐ-UB ngày 15/4/2005 909/QĐ-UBND ngày 07/02/2013	6.661.757	699.985	5.000.927	4.600	31.000	1	Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông	Năm 2017 đã bổ sung danh mục và KH vốn 2017 tại Quyết định số 7231/QĐ-UBND ngày 17/10/2017 (Thường trực HĐND Thành phố thống nhất tại VB 457/HĐND-KTNS ngày 13/9/2017)
II	CÁC DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP NĂM 2017	2					21.357		24.100	22.700	4.800	2		
II.1	LĨNH VỰC THỦY LỢI	2					21.357		24.100	22.700	4.800	2		
1	Nâng cấp trạm bơm Tân Phúc và một số tuyến kênh chính, xã Hồng Kỳ	1	Sóc Sơn	2017-2018	L=7,6km, 02 trạm bơm	5816/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	12.151		8.600	8.300	3.000	1	UBND huyện Sóc Sơn	Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn năm 2017 từ nguồn dự phòng đầu tư công năm 2017 (VB số 279/HĐND-KTNS ngày 26/6/2017 của Thường trực HĐND Thành phố và Quyết định số 4141/QĐ-UBND ngày 07/7/2017 của UBND Thành phố)
2	Kiên cố hóa hệ thống kênh tưới thôn Đông Hạ, thôn Hoa Sơn, xã Nam Sơn	1	Sóc Sơn	2017-2018	L=6,6km	5637/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	9.206		7.300	7.000	1.800	1	UBND huyện Sóc Sơn	

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2018 CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA VÀ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU THÀNH PHỐ

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Danh mục chương trình/dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Mục tiêu, chỉ tiêu/ Năng lực thiết kế	Dự án/(chủ trương đầu tư) được duyệt		Lũy kế số vốn đã bố trí/giải ngân đến hết năm 2017		Kế hoạch năm 2018	CTHT 2018	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C				Số, ngày QĐ	TMDT	Tổng số	Riêng năm 2017				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	TỔNG SỐ	0	10					4.409.247		1.257.000	1.041.600	10		
A	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA	0	7					4.300.644	2.899.450	1.216.800	979.100	7		
I	CTMTQG Xây dựng nông thôn mới	0	7					4.300.644	2.899.450	1.216.800	979.100	7		
I	Hỗ trợ xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 (05 tỷ đồng/xã)	0	0					635.000	380.000	110.000	110.000	0		
-	Ba Vì					2 xã		85.000	20.000	5.000	10.000			
-	Chương Mỹ					2 xã		65.000	35.000	5.000	10.000			
-	Mỹ Đức					2 xã		65.000	30.000	10.000	10.000			
-	Phù Xuyên					2 xã		70.000	40.000	10.000	10.000			
-	Phúc Thọ					1 xã		25.000	20.000	5.000	5.000			
-	Quốc Oai					2 xã		50.000	40.000	10.000	10.000			
-	Sóc Sơn					1 xã		45.000	20.000	5.000	5.000			
-	Thạch Thất					5 xã		45.000	20.000	10.000	25.000			
-	Thanh Oai					1 xã		45.000	15.000	5.000	5.000			
-	Thường Tín					2 xã		60.000	30.000	5.000	10.000			
-	Ứng Hòa					2 xã		80.000	20.000	10.000	10.000			
2	Hỗ trợ kiên cố hóa thủy lợi nội đồng, giao thông thôn xóm theo Quyết định 16/2012/QĐ-UBND ngày 06/7/2012	0	0					3.306.027	1.219.800	591.000	709.100	0		Nghị quyết 17/2015/NQ-HĐND ngày 03/12/2015 cho phép tiếp tục thực hiện
-	Sơn Tây					48,3km GTNT, 176,8km kênh mương		79.080	52.800	25.000	26.200			
-	Ba Vì					119,6km GTNT, 156,5km kênh mương		111.562	69.800	10.000	10.000			
-	Chương Mỹ					687,3km GTNT, 875,9km kênh mương		633.916	160.800	100.000	140.000			
-	Gia Lâm					121,1km GTNT, 220,4km kênh mương		131.502	73.400	50.000	56.600			
-	Hoài Đức					129,7km GTNT, 311,8km kênh mương		163.586	100.000	56.000	60.000			
-	Mê Linh					113,0km GTNT, 148,8km kênh mương		105.633	78.700	30.000	26.300			

Stt	Danh mục chương trình/dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Mục tiêu, chỉ tiêu/ Năng lực thiết kế	Dự án/(chủ trương đầu tư) được duyệt		Lũy kế số vốn đã bố trí/giải ngân đến hết năm 2017		Kế hoạch năm 2018	CTHT 2018	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C				Số, ngày QĐ	TMDT	Tổng số	Riêng năm 2017				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
-	Mỹ Đức					75,5km GTNT, 318,7km kênh mương		136.386	69.400	15.000	15.000			
-	Phủ Xuyên					367,1km GTNT, 395,4km kênh mương		316.878	87.400	40.000	40.000			
-	Phúc Thọ					149,8km GTNT, 392,5km kênh mương		198.638	84.800	50.000	50.000			
-	Quốc Oai					496,0km GTNT, 647,4km kênh mương		462.061	99.000	70.000	100.000			
-	Sóc Sơn					489,9km GTNT, 519,8km kênh mương		420.487	109.600	70.000	80.000			
-	Thạch Thất					101,8km GTNT, 197,3km kênh mương		114.187	60.000	30.000	50.000			
-	Thanh Oai					231,9km GTNT, 152,3km kênh mương		170.897	65.900	20.000	20.000			
-	Thường Tín					79,8km GTNT, 28,5km kênh mương		51.629	31.800	5.000	5.000			
-	Ứng Hòa					204,4km GTNT, 330,8km kênh mương		209.585	76.400	20.000	30.000			
3	Hỗ trợ các huyện đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới (30 tỉ đồng/ huyện)	0	0					60.000	0	0	60.000			
-	Mê Linh							30.000	0		30.000			
-	Quốc Oai							30.000	0		30.000			
4	Kế hoạch 138/KH-UBND ngày 15/7/2016 về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi của Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2016-2020	0	7					299.617	151.600	95.000	100.000	7		
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015	0	7					299.617	151.600	95.000	100.000	7		
4.1	Lĩnh vực giao thông	0	7					299.617	151.600	95.000	100.000	7		
4.1.1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015	0	7					299.617	151.600	95.000	100.000	7		
1	Đường Minh Quang-Ba Trại		1	Minh Quang - Ba Trại	2016-2020	Tiêu chuẩn đường GTNT loại A, chiều dài 4,5km	379/QĐ-UBND 24/4/2013	44.244	23.000	11.000	16.000	1	UBND huyện Ba Vi	
2	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã Vân Hòa - Yên Bái		1	Vân Hòa, Yên Bái	2016-2020	Tiêu chuẩn đường GTNT loại A, chiều dài 6,5km	600/QĐ-UBND; 19/6/2014	48.926	25.600	15.000	14.000	1	UBND huyện Ba Vi	
3	Đường trục giao thông thôn Muồng Phú Vàng, xã Vân Hoà		1	Vân Hòa - Ba Vi	2016-2020	Tiêu chuẩn đường GTNT, bê tông xi măng, chiều dài 2,5km	1618/QĐ-UBND; 08/11/2013	29.459	16.000	10.000	9.000	1	UBND huyện Ba Vi	
4	Đường trục thôn Phú Yên, xã Yên Bái		1	Yên Bái - Ba Vi	2016-2020	Tiêu chuẩn đường GTNT, bê tông xi măng, chiều dài 2,5km	2031/QĐ-UBND; 31/12/2013	41.716	19.000	15.000	16.000	1	UBND huyện Ba Vi	

Stt	Danh mục chương trình/dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Mục tiêu, chỉ tiêu/ Năng lực thiết kế	Dự án/(chủ trương đầu tư) được duyệt		Lũy kế số vốn đã bố trí/giải ngân đến hết năm 2017		Kế hoạch năm 2018	CTHT 2018	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C				Số, ngày QĐ	TMBT	Tổng số	Riêng năm 2017				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
5	Đường trục các thôn: 5, 6, 7, 8, xã Ba Trại		1	Ba Trại - Ba Vi	2016-2020	Tiêu chuẩn đường GTNT, bê tông xi măng, chiều dài 3km	2025/QĐ-UBND; 31/12/2013	44.900	24.000	18.000	15.000	1	UBND huyện Ba Vi	
6	Đường giao thông Ba Trại - Cẩm Lĩnh		1	Ba Trại - Ba Vi	2016-2020	Tiêu chuẩn đường GTNT, bê tông xi măng, chiều dài 3,5km	136/QĐ-UBND; 20/02/2014	40.391	21.000	15.000	13.000	1	UBND huyện Ba Vi	
7	Đường giao thông từ xã An Phú đi thị trấn Đại Nghĩa, huyện Mỹ Đức (GĐ 1 từ cầu Bãi Giữa đến đường trục thôn Thọ)		1	An Phú - Mỹ Đức	2016-2020	Tiêu chuẩn đường GTNT loại A, chiều dài 6,5km	2147/QĐ-UBND 10/10/2014	49.981	23.000	11.000	17.000	1	UBND huyện Mỹ Đức	
B	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU THÀNH PHỐ	0	3					108.603	27.800	27.000	62.500	3		
I	CTMT nhằm giảm thiểu ùn tắc và đảm bảo an toàn giao thông trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2016 - 2020	0	3					108.603	27.800	27.000	62.500	3		
*	Dự án chuyển tiếp từ năm 2017	0	1					49.767	27.500	27.000	11.000	1		
1	Cải tạo nút giao đường Chùa Bộc - Phạm Ngọc Thạch		1	Đồng Đa	2017-	Cải tạo mở rộng đường Phạm Ngọc Thạch, cầu Trung Tự, chỉnh trang nút.	2094/QĐ-UBND 05/4/2017	49.767	27.500	27.000	11.000	1	BQLDA ĐTXD công trình giao thông	Công trình trọng điểm 2016-2020
*	Dự án khởi công năm 2018	0	2					58.836	300	0	51.500	2		
1	Cải tạo, chỉnh trang khu vực nút giao đầu cầu phía Bắc cầu Chương Dương		1	Long Biên	2017-2018	Cải tạo chỉnh trang	1201/QĐ-SXD ngày 27/10/2017	17.171	300		15.500	1	BQLDA ĐTXD công trình giao thông	
2	Cải tạo, mở rộng đường Nguyễn Khoái (đoạn từ nút giao Lương Yên đến nút giao với đường vành đai 1)		1	Q. Hai Bà Trưng	Năm 2018	Mở rộng thêm mặt đường từ 5-7m, kết hợp tường chắn BTCT phải tuyến	7611/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	41.665			36.000	1	BQLDA ĐTXD công trình giao thông	

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG 2018 NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ HỒ TRỢ CỐ MỤC TIÊU CHO CÁC HUYỆN /THỊ XÃ

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Danh mục dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án đầu tư được duyệt		Lý kế số vốn đã bỏ tri/giải ngân đến hết năm 2017		Kế hoạch năm 2018	CTHT 2018	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C				Số, ngày QĐ	TMBT	Tổng số	Riêng năm 2017				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	TỔNG CỘNG	12	65					3.336.404	410.804	361.004	1.476.500	51		
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>	6	14					1.125.093	399.804	350.004	411.786	20		
	<i>Dự án mới</i>	6	51					2.211.311	11.000	11.000	1.064.714	31		
I	HUYỆN BA VÌ	1	4					155.902	12.765	12.765	104.250	4		
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>	1						49.549	12.765	12.765	34.643	1		
	<i>Dự án mới</i>		4					106.353			69.607			
I.1	Giao thông		2					59.922			28.676	1		
	<i>Dự án mới</i>		2					59.922			28.676	1		
1	Đường giao thông liên xã QL 32 đi Cam Thượng (đi Xuân Sơn).		1	Xã Cam Thượng	2018-2019	7863m	997/QĐ-UBND 11/10/2011; 1959/QĐ-UBND 23/10/2017	45.050			13.804		UBND huyện Ba Vì	
2	Cải tạo, nâng cấp đường từ QL 32 đi xã Vật Lại.		1	Xã Vật Lại	2018-2019	938m	1966/QĐ-UBND 24/10/2017	14.872			14.872	1	UBND huyện Ba Vì	
I.2	Trường học		2					46.431			40.931	2		
	<i>Dự án mới</i>		2					46.431			40.931	2		
1	Trường Tiểu học Phú Phương.		1	Xã Phú Phương	2017-2018	Xây mới 20 phòng và sửa chữa 14 phòng và các hạng mục phụ trợ	1031/QĐ-UBND 09/9/2014; 1834/QĐ-UBND 10/10/2017	18.055			15.855	1	UBND huyện Ba Vì	Phần còn lại NS huyện bố trí
2	Trường THCS Cổ Đô.		1	Xã Cổ Đô	2017-2018	23 phòng và các hạng mục phụ trợ	661/QĐ-UBND 24/6/2013; 1960/QĐ-UBND 23/10/2017	28.376			25.076	1	UBND huyện Ba Vì	Phần còn lại NS huyện bố trí
I.3	Văn hóa thể thao	1						49.549	12.765	12.765	34.643	1		
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>	1						49.549	12.765	12.765	34.643	1		
1	Xây dựng Trung tâm Văn hóa thể thao huyện Ba Vì, giai đoạn 1 (Hạng mục: Nhà Văn hoá trung tâm và các công trình phụ trợ)	1		Thị trấn Tây Đằng	2017-2018	1000m2	679/QĐ-UBND 30/6/2014; 1328/QĐ-UBND 21/7/2017	49.549	12.765	12.765	34.643	1	UBND huyện Ba Vì	

STT	Danh mục dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án đầu tư được duyệt		Lý kế số vốn đã bố trí/giải ngân đến hết năm 2017		Kế hoạch năm 2018	CTHT 2018	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C				Số, ngày QĐ	TMDT	Tổng số	Riêng năm 2017				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
II	HUYỆN CHƯƠNG MỸ		3					138.252			84.250	2		
	Dự án mới		3					138.252			84.250	2		
II.1	Giao thông		2					106.451			54.250	1		
	Dự án mới		2					106.451			54.250	1		
1	Đường phân luồng giao thông kết hợp cứng hoá mặt đê máng 7, huyện Chương Mỹ (đoạn Thụy Hương - Hoàng Diệu)		1	Các xã: Thụy Hương, Lam Điền, Đại Yên, Hoàng Diệu	2017-2019	4.730m	7945/QĐ-UBND 25/10/2017	76.750			25.250		UBND huyện Chương Mỹ	
2	Cải tạo nâng cấp đường giao thông xã Trần Phú đi đường Hồ Chí Minh		1	Xã Trần Phú	2017-2019	6.950m	7709/QĐ-UBND 18/10/2017	29.701			29.000	1	UBND huyện Chương Mỹ	
II.2	Trường học		1					31.801			30.000	1		
	Dự án mới		1					31.801			30.000	1		
1	Trường THCS Mỹ Lương		1	Xã Mỹ Lương	2017-2018	Nhà lớp học nhà hiệu bộ 2 tầng, phụ trợ	7687/QĐ-UBND 13/10/2017	31.801			30.000	1	UBND huyện Chương Mỹ	
III	HUYỆN ĐAN PHƯỢNG	3						267.972			64.250			
	Dự án mới	3						267.972			64.250			
III.1	Trường học	3						267.972			64.250			
	Dự án mới	3						267.972			64.250			
1	Trường Tiểu học Tân Lập (khu B)	1		Xã Tân Lập	2018-2020	Khối nhà học số 2: 3 tầng 12 phòng, nhà hiệu bộ Nhà đa năng.	6475/QĐ-UBND 31/10/2016; 7552/QĐ-UBND 27/10/2017	104.826			16.000		UBND huyện Đan Phượng	
2	Trường mầm non Tân Lập	1		Xã Tân Lập	2018-2020	Nhà học 2 tầng ; khối nhà học 3 tầng nhà hiệu bộ TDT, phụ trợ.	7454/QĐ-UBND 19/10/2017	88.737			23.250		UBND huyện Đan Phượng	
3	Trường mầm non 2 Tân Hội	1		Xã Tân Hội	2018-2020	Nhà học 2 tầng Nhà hiệu bộ, Nhà đa năng.	7455/QĐ-UBND 19/10/2017	74.409			25.000		UBND huyện Đan Phượng	
IV	HUYỆN ĐÔNG ANH	2	1					295.902			64.250	1		
	Dự án mới	2	1					295.902			64.250	1		
IV.1	Giao thông		1					26.113			15.000	1		
	Dự án mới		1					26.113			15.000	1		
1	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ trung tâm xã Bắc Hồng đến địa phận xã Quang Minh, huyện Mê Linh		1	Xã Bắc Hồng	2017-2018	2036m	4808/QĐ-UBND 10/11/2016; 8468/QĐ-UBND 09/8/2017	26.113			15.000	1	UBND huyện Đông Anh	Phần còn lại NS huyện bố trí

STT	Danh mục dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án đầu tư được duyệt		Lý kế số vốn đã bố trí/giải ngân đến hết năm 2017		Kế hoạch năm 2018	CTHT 2018	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C				Số, ngày QĐ	TMBT	Tổng số	Riêng năm 2017				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
IV.2	Trường học	2						269.789			49.250			
	Dự án mới	2						269.789			49.250			
1	Xây dựng trường tiểu học Việt Hùng	1		Xã Việt Hùng	2018-2020	Xây mới đồng bộ, quy mô 30 nhóm lớp, nhà hiệu bộ và phụ trợ	9281/QĐ-UBND 18/9/2017	100.254			17.000		UBND huyện Đông Anh	
2	Xây dựng trường THCS xã Dục Tú, huyện Đông Anh.	1		Xã Dục Tú	2017-2020	Xây mới đồng bộ, quy mô 39 lớp, nhà hiệu bộ và phụ trợ	1472/QĐ-UBND 06/5/2011; 4607/QĐ-UBND 27/10/2016 8479/QĐ-UBND 09/8/2017	169.535			32.250		UBND huyện Đông Anh	
V	HUYỆN GIA LÂM	2	1					146.364	41.500	41.500	64.250	2		
	Dự án chuyển tiếp	2						101.663	41.500	41.500	48.500			
	Dự án mới		1					44.701			15.750			
V.1	Giao thông		1					44.701			15.750			
	Dự án mới		1					44.701			15.750			
1	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ ngã ba chợ Bún đến dốc đê Bát Tràng, huyện Gia Lâm		1	Xã Đa Tốn	2018-2019	1184m	14611/QĐ-UBND 17/10/2017	44.701			15.750		UBND huyện Gia Lâm	
V.2	Trường học	2						101.663	41.500	41.500	48.500	2		
	Dự án chuyển tiếp	2						101.663	41.500	41.500	48.500	2		
1	Xây dựng trường mầm non Phù Đồng, huyện Gia Lâm	1		Xã Phù Đồng	2017-2018	18 nhóm lớp, nhà hiệu bộ	7611/QĐ-UBND 06/9/2016; 10994/QĐ-UBND 07/8/2017	49.669	22.000	22.000	22.000	1	UBND huyện Gia Lâm	
2	Xây dựng trường mầm non Đặng Xá, huyện Gia Lâm	1		Xã Đặng Xá	2017-2018	14 nhóm lớp, phòng chức năng	9302/QĐ-UBND 31/10/2016; 10995/QĐ-UBND 7/8/2017	51.994	19.500	19.500	26.500	1	UBND huyện Gia Lâm	
VI	HUYỆN HOÀI ĐỨC	1	1					92.020			64.250	2		
	Dự án chuyển tiếp													
	Dự án mới	1	1					92.020			64.250			
VI.1	Giao thông		1					29.899			25.000	1		
	Dự án mới		1					29.899			25.000	1		
1	Dự án Hệ thống mương thoát nước kết hợp đường GTNT kết nối Hoài Đức - Phúc Thọ (đoạn qua Dương Liễu)		1	Xã Dương Liễu	2018	2.486m	8245/QĐ-UBND 31/10/2016; 9264/QĐ-UBND 30/10/2017	29.899			25.000	1	UBND huyện Hoài Đức	Phần còn lại ngân sách huyện bố trí

STT	Danh mục dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án đầu tư được duyệt		Lý kế số vốn đã bố trí/giải ngân đến hết năm 2017		Kế hoạch năm 2018	CTHT 2018	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C				Số, ngày QĐ	TMDT	Tổng số	Riêng năm 2017				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
VI.2	Trường học	1						62.121			39.250	1		
	Dự án mới	1						62.121			39.250	1		
1	Trường mầm non Đông La II	1		Xã Đông La	2017-2018	Khởi nhà hiệu bộ; 2 khối nhà học, phụ trợ	8240/QĐ-UBND 31/10/2016; 9263/QĐ-UBND 30/10/2017	62.121			39.250	1	UBND huyện Hoài Đức	Phần còn lại ngân sách huyện bố trí
VII	HUYỆN MÊ LINH		8					137.553	11.000	11.000	84.250	7		
	Dự án mới		8					137.553	11.000	11.000	84.250	7		
VII.1	Trường học		8					137.553	11.000	11.000	84.250	7		
	Dự án mới		8					137.553	11.000	11.000	84.250	7		
1	Trường mầm non Mê Linh, xã Mê Linh, huyện Mê Linh (Khu Trung tâm)		1	Xã Mê Linh	2017-2018	Nhà hiệu bộ, lớp học 02 tầng và các phòng làm việc	6124/QĐ-UBND 24/10/2013; 3221/QĐ-UBND 9/8/2017	22.131	11.000	11.000	9.500	1	UBND huyện Mê Linh	Phần còn lại ngân sách huyện bố trí
2	Trường mầm non Thanh Lâm, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh (điểm lẻ thôn Đồng Vỡ)		1	Xã Thanh Lâm	2018	Nhà 2 tầng, phòng chức năng;	3459/QĐ-UBND 18/8/2017; 4265/QĐ-UBND 27/10/2017	14.782			10.000	1	UBND huyện Mê Linh	Phần còn lại ngân sách huyện bố trí
3	Trường mầm non Hoàng Kim, xã Hoàng Kim, huyện Mê Linh (khu trung tâm tại thôn Tây Xá)		1	Xã Hoàng Kim	2018	Nhà lớp học, Nhà điều hành 3 tầng	4347/QĐ-UBND 30/10/2017	28.140			16.000	1	UBND huyện Mê Linh	Phần còn lại ngân sách huyện bố trí
4	Trường mầm non Văn Khê - khu Trung tâm, xã Văn Khê, huyện Mê Linh		1	Xã Văn Khê	2018-2019	Nhà lớp học 20 phòng, nhà điều hành,	4348/QĐ-UBND 30/10/2017	26.906			8.500		UBND huyện Mê Linh	
5	Trường tiểu học Hoàng Kim, xã Hoàng Kim, huyện Mê Linh (giai đoạn 2).		1	Xã Hoàng Kim	2018	Nhà hiệu bộ; nhà lớp học 2 tầng; các hạng mục phụ trợ	4440/QĐ-UBND 29/9/2016; 4328/QĐ-UBND 31/10/2017	12.106			11.000	1	UBND huyện Mê Linh	Phần còn lại ngân sách huyện bố trí
6	Trường tiểu học Mê Linh, xã Mê Linh, huyện Mê Linh		1	Xã Mê Linh	2018	Nhà thể chất, nhà lớp học bộ môn và phụ trợ	2464/QĐ-UBND 03/8/2017; 4264/QĐ-UBND 27/10/2017	11.915			9.250	1	UBND huyện Mê Linh	Phần còn lại ngân sách huyện bố trí
7	Trường tiểu học Kim Hoa A, xã Kim Hoa, huyện Mê Linh		1	Xã Kim Hoa	2018	khởi nhà gồm 04 phòng học và các hạng mục phụ trợ	3882/QĐ-UBND 02/10/2017; 4287/QĐ-UBND 30/10/2017	6.608			6.500	1	UBND huyện Mê Linh	Phần còn lại ngân sách huyện bố trí

STT	Danh mục dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án đầu tư được duyệt		Lý kế số vốn đã bố trí/giải ngân đến hết năm 2017		Kế hoạch năm 2018	CTHT 2018	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C				Số, ngày QĐ	TMDT	Tổng số	Riêng năm 2017				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
8	Trường THCS Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh		1	Thị trấn Quang Minh	2018	Nhà lớp học bộ môn 03 tầng; nhà lớp học 03 tầng; phụ trợ.	3458/QĐ-UBND 18/8/2017; 4268/QĐ-UBND 27/10/2017	14.965			13.500	1	UBND huyện Mê Linh	Phần còn lại ngân sách huyện bố trí
VIII	HUYỆN PHÚ XUYỀN		3					139.616			84.250			
	Dự án mới		3					139.616			84.250			
VIII.1	Giao thông		3					139.616			84.250			
	Dự án mới		3					139.616			84.250			
1	Đường Quang Lăng - Duy Tiên nối hai huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội với huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam		1	Các xã: Quang Lăng, Duy Tiên	2018-2019	3,6km; Bm=6,53600mm; cấp III	4445/QĐ-UBND 30/10/2017	48.524			29.250		UBND huyện Phú Xuyên	
2	Đường GT liên xã Phúc Tiến - Vân Từ (GD 1)		1	Các xã: Phúc Tiến, Vân Từ	2018	1700m	4446/QĐ-UBND 30/10/2017	48.548			35.000		UBND huyện Phú Xuyên	
3	Đường Thao Chính - Đại Nam - Nam Triều		1	Các xã: Đại Nam, Nam Triều	2018-2019	2700m	4447/QĐ-UBND 30/10/2017	42.544			20.000		UBND huyện Phú Xuyên	
IX	HUYỆN MỸ ĐỨC		4					197.724	56.000	35.000	104.250	3		
	Dự án chuyển tiếp		3					148.686	56.000	35.000	87.750	3		
	Dự án mới		1					49.038			16.500			
XI.1	Giao thông		4					197.724	56.000	35.000	104.250	3		
	Dự án chuyển tiếp		3					148.686	56.000	35.000	87.750	3		
1	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông trục huyện từ xã Phúc Lâm đến xã Đồng Tâm và Thượng Lâm (đoạn nối từ TL 419 - TL 429).		1	Các xã: Phúc Lâm, Đồng Tâm, Thượng Lâm	2017-2018	3300m	2194/QĐ-UBND 17/10/2014; 1775/QĐ-UBND 04/8/2017	49.000	19.000	12.000	27.250	1	UBND huyện Mỹ Đức	
2	Cải tạo, nâng cấp đường liên xã từ Thượng Lâm đi xã Tuy Lai.		1	Các xã: Thượng Lâm, Tuy Lai	2017-2018	3149m	1046/QĐ-UBND 28/7/2014; 1777/QĐ-UBND 04/8/2017	49.850	18.000	11.000	30.500	1	UBND huyện Mỹ Đức	
3	Đường trục phát triển phía bắc huyện từ TL 419 xã An Mỹ đi Tuy lai đến TL 429 xã Đồng Tâm (GD 2) lý trình từ Km0+782,2 - Km2+698,5.		1	Các xã: An Mỹ, Tuy Lai	2017-2018	1900m	1159/QĐ-UBND 26/6/2014; 1776/QĐ-UBND 04/8/2017	49.836	19.000	12.000	30.000	1	UBND huyện Mỹ Đức	

STT	Danh mục dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án đầu tư được duyệt		Lý kế số vốn đã bố trí/giải ngân đến hết năm 2017		Kế hoạch năm 2018	CTHT 2018	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C				Số, ngày QĐ	TMĐT	Tổng số	Riêng năm 2017				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	Dự án mới		1					49.038			16.500			
1	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã Mỹ Thành - Bọt Xuyên (Điểm đầu từ TL 419 xã Mỹ Thành, điểm cuối đê sông Đáy xã Bọt Xuyên) huyện Mỹ Đức (GD1).		1	Các xã: Mỹ Thành, Bọt Xuyên	2018-2019	2350m	1869/QĐ-UBND 21/8/2017	49.038			16.500		UBND huyện Mỹ Đức	
X	HUYỆN PHÚC THỌ	1	4					158.721	53.050	29.250	84.250	4		
	Dự án chuyển tiếp	1	1					87.969	53.050	29.250	32.250	1		
	Dự án mới	-	3					70.752	-	-	52.000	3		
X.1	Giao thông		1					40.846			26.000	1		
	Dự án mới		1					40.846			26.000	1		
1	Đường giao thông liên xã từ QL32 qua xã Thọ Lộc - Vông Xuyên - Phương Độ lên đê hữu Hồng		1	Các xã: Thọ Lộc, Vông Xuyên, Phương Độ	2017-2018	5391m	1819/QĐ-UBND 26/7/2014	40.846			26.000	1	UBND huyện Phúc Thọ	Năm 2017 ngân sách huyện Phúc Thọ bố trí 14 tỉ đồng
X.2	Trường học	1	3					117.875	53.050	29.250	58.250	3		
	Dự án chuyển tiếp	1	1					87.969	53.050	29.250	32.250	1		
1	Trường THCS chất lượng cao thị trấn Phúc Thọ		1	Thị trấn Phúc Thọ	2012-2018	18 phòng học	4247/QĐ-UB 25/10/2011	38.131	8.300		27.250	1	UBND huyện Phúc Thọ	Đến hết năm 2015 ngân sách Thành phố đã hỗ trợ 8,6 tỉ đồng
2	Trường THCS Vông Xuyên B	1		Xã Vông Xuyên	2016-2018	24 phòng	18/QĐ-UBND 08/01/2015	49.838	44.750	29.250	5.000	1	UBND huyện Phúc Thọ	
	Dự án mới		2					29.906			26.000	2		
1	Trường THCS Hiệp Thuận giai đoạn 2		1	Xã Hiệp Thuận	2018-2019	nhà học tập 3 tầng, nhà hành chính 3 tầng, và phụ trợ.	4043/QĐ-UBND 31/10/2017	14.980			13.000	1	UBND huyện Phúc Thọ	Phần còn lại ngân sách huyện bố trí
2	Trường mầm non Xuân Phú (điểm thôn Phú Châu)		1	Xã Xuân Phú	2018-2019	nhà học tập 3 tầng, 6 phòng làm việc, nhà hiệu bộ và phụ trợ.	4044/QĐ-UBND 31/10/2017	14.926			13.000	1	UBND huyện Phúc Thọ	Phần còn lại ngân sách huyện bố trí

STT	Danh mục dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án đầu tư được duyệt		Lý kế số vốn đã bố trí/giải ngân đến hết năm 2017		Kế hoạch năm 2018	CTHT 2018	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C				Số, ngày QĐ	TMDT	Tổng số	Riêng năm 2017				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
XI	HUYỆN QUỐC OAI		4					168.654	35.250	35.250	84.250	2		
	Dự án chuyển tiếp		2					89.658	35.250	35.250	43.900	2		
	Dự án mới		2					78.996	-	-	40.350			
XI.1	Giao thông		4					168.654	35.250	35.250	84.250	2		
	Dự án chuyển tiếp		2					89.658	35.250	35.250	43.900	2		
1	Đường Trại cá - Tuyết Nghĩa - Phú Cát giai đoạn II		1	Các xã: Tuyết Nghĩa, Phú Cát	2017-2018	1430m	7729/QĐ-UBND 31/10/2016; 5755/QĐ-UBND 7/8/2017	36.421	15.000	15.000	16.700	1	UBND huyện Quốc Oai	
2	Đường giao thông liên xã Ngọc Liệp - Cấn Hữu (tuyến giao với đường gom Đại lộ Thăng Long đến đường Quốc Oai - Hòa Thạch tại trạm bơm Cấn Hữu)		1	Các xã: Ngọc Liệp, Liệp Tuyết, Nghĩa Hương, Tuyết Nghĩa, Cấn Hữu	2017-2018	2910m	7730/QĐ-UBND 31/10/2016; 5754/QĐ-UBND 7/8/2017	53.237	20.250	20.250	27.200	1	UBND huyện Quốc Oai	
	Dự án mới		2					78.996			40.350			
1	Đường giao thông xã Nghĩa Hương		1	Xã Nghĩa Hương	2018-2019	2470m	7281/QĐ-UBND 13/10/2017	39.965			20.350		UBND huyện Quốc Oai	
2	Đường giao thông xã Sài Sơn		1	Xã Sài Sơn	2018-2019	3880m	8155/QĐ-UBND 30/10/2017	39.031			20.000		UBND huyện Quốc Oai	
XII	HUYỆN SÓC SƠN		4					127.821			104.250	4		
	Dự án mới		4					127.821			104.250			
XII.1	Giao thông		2					90.079			68.000	2		
	Dự án mới		2					90.079			68.000	2		
1	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường liên xã Tân Minh - Xuân Giang - Bắc Phú - Đức Hòa - Tiên Dược, huyện Sóc Sơn		1	Các xã: Bắc Phú, Xuân Giang, Đức Hòa, Tân Minh, Tiên Dược	2018-2019	12599m	8792/QĐ-UBND 31/10/2017	60.506			42.000	1	UBND huyện Sóc Sơn	Phần còn lại ngân sách huyện bố trí
2	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước dân sinh, đảm bảo VSMT trên địa bàn xã Bắc Phú, Xuân Giang huyện Sóc Sơn		1	Các xã: Bắc Phú, Xuân Giang	2018	14030m	8794/QĐ-UBND 31/10/2017	29.573			26.000	1	UBND huyện Sóc Sơn	Phần còn lại ngân sách huyện bố trí

STT	Danh mục dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án đầu tư được duyệt		Lý kế số vốn đã bố trí/giải ngân đến hết năm 2017		Kế hoạch năm 2018	CTHT 2018	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C				Số, ngày QĐ	TMBT	Tổng số	Riêng năm 2017				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
XII.2	Trường học		2					37.742			36.250	2		
	Dự án mới		2					37.742			36.250	2		
1	Cải tạo, nâng cấp Trường mầm non Hiền Ninh		1	Xã Hiền Ninh	2018	Xây mới 10 phòng, mở rộng diện tích	5814/QĐ-UBND 31/10/2016	24.012			23.000	1	UBND huyện Sóc Sơn	
2	Cải tạo, nâng cấp trường mầm non Tân Hưng		1	Xã Tân Hưng	2018	XD 9 phòng học, hạng mục phụ trợ	8788/QĐ-UBND 31/10/2017	13.730			13.250	1	UBND huyện Sóc Sơn	
XIII	HUYỆN THẠCH THẮT		7					215.186	53.000	53.000	84.250	8		
	Dự án chuyển tiếp		5					120.032	53.000	53.000	53.750			
	Dự án mới		2					95.154			30.500			
XIII.1	Giao thông		4					172.359	38.450	38.450	65.150	3		
	Dự án chuyển tiếp		3					98.705	38.450	38.450	48.150	3		
1	Đường từ đường tỉnh 419 đi Cẩn Kiệm - Kim Quan - đường tỉnh 420 (đoạn từ ĐT 419 - Tân Xã đi ĐT 420)		1	Các xã: Cẩn Kiệm, Kim Quan	2017-2019	1988m	10819/QĐ-UBND 31/12/2014; 4405/QĐ-UBND 7/8/2017	48.911	17.200	17.200	26.000	1	UBND huyện Thạch Thất	
2	Đường giao thông Thạch Xá - Canh Nậu		1	Các xã: Thạch Xá, Canh Nậu	2017-2019	1446m	893/QĐ-UBND 05/02/2013; 4442/QĐ-UBND 8/8/2017	35.742	12.500	12.500	19.000	1	UBND huyện Thạch Thất	
3	Tuyến đường số 19 (Đường làng nghề) Đoạn: Phùng Xá - Hữu Bằng		1	Các xã: Phùng Xá, Hữu Bằng	2017-2018	1120m	10842/QĐ-UBND 28/10/2016; 4443/QĐ-UBND 8/8/2017	14.052	8.750	8.750	3.150	1	UBND huyện Thạch Thất	
	Dự án mới		1					73.654			17.000			
1	Tuyến 28: Đường Canh Nậu – Hiệp Thuận		1	Các xã: Hương Ngải, Canh Nậu	2018-2020	3700m	6643/QĐ-UBND 31/10/2017	73.654			17.000		UBND huyện Thạch Thất	
XIII.2	Trường học		2					34.600	9.000	9.000	17.300	4		
	Dự án chuyển tiếp		1					13.100	9.000	9.000	3.800	3		
1	Trường Mầm non xã Bình Phú B		1	Xã Bình Phú	2017-2018	Xây dựng nhà lớp học kết hợp hiệu bộ 2 tầng	10836/QĐ-UBND 28/10/2016; 4445/QĐ-UBND 8/8/2017	13.100	9.000	9.000	3.800	1	UBND huyện Thạch Thất	

STT	Danh mục dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án đầu tư được duyệt		Lý kế số vốn đã bố trí/giải ngân đến hết năm 2017		Kế hoạch năm 2018	CTHT 2018	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C				Số, ngày QĐ	TMBT	Tổng số	Riêng năm 2017				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	Dự án mới		1					21.500			13.500	1		
1	Trường mầm non xã Cẩm Yên		1	Xã Cẩm Yên	2017-2018	Xây dựng 04 phòng học, bếp, nhà hiệu bộ	6473/QĐ-UBND 27/10/2017	21.500			13.500	1	UBND huyện Thạch Thất	Phần còn lại ngân sách huyện bố trí
XIII.3	Trạm y tế		1					8.227	5.550	5.550	1.800	1		
	Dự án chuyển tiếp		1					8.227	5.550	5.550	1.800	1		
1	Cải tạo, nâng cấp Trạm y tế xã Dị Nậu		1	Xã Dị Nậu	2017-2018	Cải tạo phòng khám 2 tầng	10809/QĐ-UBND 31/12/2015; 4404/QĐ-UBND 7/8/2017	8.227	5.550	5.550	1.800	1	UBND huyện Thạch Thất	
XIV	HUYỆN THANH OAI		6					180.905			84.250	2		
	Dự án mới		6					180.905			84.250	2		
XIV.1	Giao thông		4					159.632			65.750			
	Dự án mới		4					159.632			65.750			
1	Đường Cao Viên - Bình Minh		1	Các xã: Cao Viên, Bình Minh	2018-2019	800m	2006/QĐ-UBND 16/8/2014; 2476/QĐ-UBND 27/10/2017	30.000			14.750		UBND huyện Thanh Oai	
2	Đường trục phát triển Hồng Dương - Liên Châu giai đoạn III		1	Xã Liên Châu	2018-2019	2600m	2128/QĐ-UBND 17/12/2014; 1918/QĐ-UBND 15/8/2017	45.000			18.000		UBND huyện Thanh Oai	
3	Đường QL 21B - Tân Ước giai đoạn II		1	Các xã: Dân Hoà, Tân Ước	2018-2019	3300m	89/QĐ-HĐND 11/7/2017; 2431/QĐ-UBND 19/10/2017	44.830			18.000		UBND huyện Thanh Oai	
4	Đường QL 21B từ Phương Trung đi Đỗ Động		1	Các xã: Phương Trung, Đỗ Động	2018-2019	2000m	81/QĐ-HĐND 23/6/2017; 2461/QĐ-UBND 24/10/2017	39.802			15.000		UBND huyện Thanh Oai	
XIV.2	Trường học		1					14.900			13.000	1		
	Dự án mới		1					14.900			13.000	1		
1	Trường tiểu học xã Kim Thư		1	Xã Kim Thư	2020	Cải tạo 02 nhà lớp học 2T; xây dựng mới nhà lớp học, hiệu bộ 3T.	2266/QĐ-UBND 10/10/2017; 2519/QĐ-UBND 31/10/2017	14.900			13.000	1	UBND huyện Thanh Oai	Đề nghị chuyển bố trí kế hoạch 2018 để hoàn thành chương trình mục tiêu NTM

STT	Danh mục dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án đầu tư được duyệt		Lý kế số vốn đã bố trí/giải ngân đến hết năm 2017		Kế hoạch năm 2018	CTHT 2018	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C				Số, ngày QĐ	TMĐT	Tổng số	Riêng năm 2017				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
XIV.3	Y tế		1					6.373			5.500	1		
	Dự án mới		1					6.373			5.500	1		
1	Cải tạo nâng cấp trạm y tế xã Bích Hoà		1	Xã Bích Hoà	2017-2018	Xây dựng mới nhà khám chữa bệnh và cải tạo các hạng mục phụ trợ	3198/QĐ-UBND 28/10/2016; 2522/QĐ-UBND 31/10/2017	6.373			5.500	1	UBND huyện Thanh Oai	
XV	HUYỆN THANH TRÌ	1	2					201.704	64.250	64.250	64.250	3		
	Dự án chuyển tiếp	1						113.270	64.250	64.250	32.250	1		
	Dự án mới		2					88.434			32.000			
XV.1	Giao thông		1					73.982			19.000	1		
	Dự án mới		1					73.982			19.000	1		
1	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Tứ Hiệp		1	Xã Tứ Hiệp	2018-2019	1524m	6111/QĐ-UBND ngày 06/10/2017	73.982			19.000	1	UBND huyện Thanh Trì	
XV.2	Trường học	1	1					127.722	64.250	64.250	45.250	2		
	Dự án chuyển tiếp	1						113.270	64.250	64.250	32.250	1		
1	Xây mới trường THCS Ngũ Hiệp	1		Xã Ngũ Hiệp	2017-2018	40 lớp học, các phòng chức năng, khu hiệu bộ.	10035/QĐ-UBND 28/10/2016; 4740/QĐ-UBND 27/7/2017	113.270	64.250	64.250	32.250	1	UBND huyện Thanh Trì	
	Dự án mới		1					14.452			13.000	1		
1	Nâng cấp trường THCS Tứ Hiệp		1	Xã Tứ Hiệp	2018	Khởi nhà học 04 tầng và phụ trợ khác.	2804/QĐ-UBND 28/4/2016; 5731/QĐ-UBND 18/9/2017	14.452			13.000	1	UBND huyện Thanh Trì	
XVI	HUYỆN THƯỜNG TÍN	1	3					351.981	20.000	20.000	84.250	3		
	Dự án chuyển tiếp	1						285.861	20.000	20.000	25.000			
	Dự án mới		3					66.120			59.250	3		
XVI.1	Giao thông		2					46.009			40.750	2		
	Dự án mới		2					46.009			40.750	2		
1	Cải tạo nâng cấp đường liên xã Văn Tảo - Chương Dương		1	Các xã: Văn Tảo, Chương Dương	2018	2620m	3285/QĐ-UBND 30/10/2017	25.170			23.250	1	UBND huyện Thường Tín	Phần còn lại ngân sách huyện bố trí
2	Đường trục liên xã Tô Hiệu - Thống Nhất (đoạn Chợ Tía đến thôn Phúc Trạch)		1	Các xã: Tô Hiệu, Thống Nhất	2018	2640m	3286/QĐ-UBND 30/10/2017	20.839			17.500	1	UBND huyện Thường Tín	Phần còn lại ngân sách huyện bố trí

STT	Danh mục dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án đầu tư được duyệt		Lý kế số vốn đã bố trí/giải ngân đến hết năm 2017		Kế hoạch năm 2018	CTHT 2018	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C				Số, ngày QĐ	TMBT	Tổng số	Riêng năm 2017				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
XVI.2	Trường học		1					20.111			18.500	1		
	Dự án mới		1					20.111			18.500	1		
1	Trường mầm non Trung tâm xã Nghiêm Xuyên		1	Xã Nghiêm Xuyên	2018	Nhà lớp học 2 tầng, nhà đa năng, phụ trợ	3284/QĐ-UBND 30/10/2017	20.111			18.500	1	UBND huyện Thường Tín	
XVI.3	Văn hóa thể thao	1						285.861	20.000	20.000	25.000			
	Dự án chuyển tiếp	1						285.861	20.000	20.000	25.000			
1	Xây dựng trung tâm văn hóa thể thao huyện Thường Tín (Giai đoạn 1)	1		Thị trấn	2015-2019	Nhà văn hóa 3 tầng; sân vận động, nhà điều hành	3210/QĐ-UBND-24/10/2012; 3338/QĐ-UBND-30/10/2017	285.861	20.000	20.000	25.000		UBND huyện Thường Tín	Bổ trí vốn GPMB
XVII	HUYỆN ỨNG HÒA		4					178.452	51.989	46.989	84.250	2		
	Dự án chuyển tiếp		2					98.452	51.989	46.989	39.743	2		
	Dự án mới		2					80.000			44.507			
XVII.1	Giao thông		4					178.452	51.989	46.989	84.250	2		
	Dự án chuyển tiếp		2					98.452	51.989	46.989	39.743	2		
2	Đường trục giao thông liên xã Tào Dương Văn - Vạn Thái		1	Các xã: Tào Dương Văn, Vạn Thái	2015-2018	6200m	396/QĐ-UBND 27/8/2010; 665/QĐ-UBND 3/8/2017	48.704	25.000	20.000	20.604	1	UBND huyện Ứng Hòa	
4	Đường trục giao thông liên xã Hoà Lâm - Đội Bình		1	Các xã: Hoà Lâm, Đội Bình	2015-2018	4400m	395/QĐ-UBND 27/8/2010; 666/QĐ-UBND 3/8/2017	49.748	26.989	26.989	19.139	1	UBND huyện Ứng Hòa	
	Dự án mới		2					80.000			44.507			
1	Đường giao thông liên xã từ QL 21B (Liên Bạt) đi cầu Ngõ Xá lên đê tá Đáy thôn Ngõ Xá, thị trấn Văn Đình		1	Xã Liên Bạt, thị trấn Văn Đình	2017-2018	2140m	1228/QĐ-UBND 31/10/2017	30.000			17.000		UBND huyện Ứng Hòa	
2	Cải tạo, nâng cấp mở rộng đường I2-14 liên xã từ Chợ Chông xã Trầm Lộng đi Đại Hùng, Đại Cường, Kim Đường, Đồng Lỗ		1	Các xã: Trầm Lộng, Đại Hùng, Đại Cường, Kim Đường, Đồng Lỗ	2018-2019	2727m	1184/QĐ-UBND 27/10/2017	50.000			27.507		UBND huyện Ứng Hòa	

STT	Danh mục dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án đầu tư được duyệt		Lý kế số vốn đã bố trí/giải ngân đến hết năm 2017		Kế hoạch năm 2018	CTHT 2018	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C				Số, ngày QĐ	TMDT	Tổng số	Riêng năm 2017				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
XVIII	THỊ XÃ SƠN TÂY		6					181.675	12.000	12.000	84.250	2		
	Dự án chuyển tiếp		1					29.953	12.000	12.000	14.000	1		
	Dự án mới		5					151.722			70.250	1		
XVIII.1	Trường học		6					181.675	12.000	12.000	84.250	2		
	Dự án chuyển tiếp		1					29.953	12.000	12.000	14.000	1		
1	Trường Tiểu học Khu B xã Cồ Đông		1	Xã Cồ Đông	2016-2020	Nhà lớp 3 tầng	1775/QĐ-UBND 31/12/2014; 886a/QĐ-UBND 24/7/2017	29.953	12.000	12.000	14.000	1	UBND thị xã Sơn Tây	Phần còn lại ngân sách huyện bố trí
	Dự án mới		5					151.722			70.250	1		
1	Trường mầm non trung tâm xã Cồ Đông		1	Xã Cồ Đông	2016-2020	Nhà lớp học 3 tầng	884a/QĐ-UBND 20/7/2017	29.984			12.000		UBND thị xã Sơn Tây	
2	Trường mầm non Kim Sơn		1	Xã Kim Sơn	2017-2019	Nhà lớp học 3 tầng	1268/QĐ-UBND 27/10/2017	26.823			12.000		UBND thị xã Sơn Tây	
3	Trường THCS Sơn Tây (Giai đoạn 2)		1	Phường Quang Trung	2017-2020	Xây dựng 02 nhà lớp học 4 tầng; khối nhà đa năng.	1269/QĐ-UBND 27/10/2017	43.552			17.250		UBND thị xã Sơn Tây	
4	Trường THCS Phú Thịnh (Giai đoạn 2)		1	Phường Quang Trung	2017-2020	Khởi học tập ; Khởi phục vụ học tập nhà đa năng	1288/QĐ-UBND 31/10/2017	36.368			15.000		UBND thị xã Sơn Tây	
5	Trường mầm non Thanh Mỹ		1	Xã Thanh Mỹ	2017-2018	Nhà hiệu bộ 3 tầng ; Nhà lớp học 2 tầng	897/QĐ-UBND 27/7/2017	14.995			14.000	1	UBND thị xã Sơn Tây	

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2018 NGUỒN VỐN XỔ SỞ KIẾN THIẾT THỦ ĐÔ

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Nội lực thiết kế	Dự án đầu tư được duyệt		Lý kế số vốn đã bố trí/giải ngân đến hết năm 2017		Kế hoạch năm 2018	CTHT 2018	Chủ đầu tư	Ghi chú
						Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Riêng năm 2017				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	TỔNG CỘNG	26					652.975	133.450	58.000	342.000	19		
	Dự án chuyển tiếp	10					254.748	133.450	58.000	102.000	10		
	Dự án mới	16					398.227			240.000	9		
I	Thị xã Sơn Tây	1					34.979			19.000			
I.1	Dự án mới	1					34.979			19.000			
1	Xây dựng phòng khám đa khoa Lê Lợi, thị xã Sơn Tây	1	Sơn Tây	2018-2019	2.014,6 m2, 6 tầng	1300/QĐ-UBND 31/10/2017	34.979			19.000		UBND thị xã Sơn Tây	
II	Huyện Ba Vì	1					29.993			18.000	1		
II.1	Dự án mới	1					29.993			18.000	1		
1	Nâng cấp trường Mầm non Sơn Đà A	1	Ba Vì	2018-2020	Xây dựng 06 phòng học, cải tạo nhà hiệu bộ, thay thế hệ thống điện, các hạng mục phụ trợ	1994/QĐ-UBND 27/10/2011; 2102/QĐ-UBND 31/10/2017	29.993			18.000	1	UBND huyện Ba Vì	Mức hỗ trợ theo Nghị quyết 02/NQ-HĐND; Dự phòng 2.580
III	Huyện Chương Mỹ	3					84.613	43.800	20.500	33.000	3		
III.1	Dự án chuyển tiếp	3					84.613	43.800	20.500	33.000	3		
1	Trường THCS Phụng Châu, huyện Chương Mỹ	1	Chương Mỹ	2015-2018	Xây dựng 06 phòng học bộ môn, nhà hiệu bộ, nhà đa năng, các hạng mục phụ trợ	1325/QĐ-UBND 23/10/2013; 12126/QĐ-UBND 30/12/2016	29.520	21.800	5.500	6.000	1	UBND huyện Chương Mỹ	Dự phòng 2.600
2	Trường mầm non trung tâm xã Lam Điền	1	Chương Mỹ	2016-2018	Xây dựng 12 phòng học, nhà hiệu bộ, nhà hiệu bộ và phụ trợ	2617/QĐ-UBND 25/10/2012	29.586	14.000	7.000	12.000	1	UBND huyện Chương Mỹ	Dự phòng 2.000
3	Trường mầm non khu trung tâm Thượng Vực, xã Thượng Vực	1	xã Thượng Vực	2017-2018	Xây dựng 12 phòng học, nhà hiệu bộ, và phụ trợ	9136/QĐ-UBND 20/10/2016	25.507	8.000	8000	15.000	1	UBND huyện Chương Mỹ	Dự phòng 1.700

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án đầu tư được duyệt		Lý kế số vốn đã bố trí/giải ngân đến hết năm 2017		Kế hoạch năm 2018	CTHT 2018	Chủ đầu tư	Ghi chú
						Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Riêng năm 2017				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
IV	Huyện Đông Anh	1					29.207	20.450	9.000	7.000	1		
IV.1	Dự án chuyển tiếp	1					29.207	20.450	9.000	7.000	1		
1	Xây dựng trung tâm mầm non thôn Tiên Hội, xã Đông Hội	1	Đông Anh	2016-2018	Xây mới 12 phòng học, nhà hiệu bộ và hạng mục phụ trợ nhóm lớp	3282/QĐ-UBND 12/10/2012	29.207	20.450	9.000	7.000	1	UBND huyện Đông Anh	Dự phòng 2.600
V	Huyện Mỹ Đức	3					89.160	32.200	9.000	33.000	2		
V.1	Dự án chuyển tiếp	2					59.202	32.200	9.000	24.000	2		
1	Trường tiểu học xã Phù Lưu Tế	1	Mỹ Đức	2015-2017	Nhà 13 phòng học, nhà hiệu bộ và hạng mục phụ trợ	1899/QĐ-UBND 18/9/2014	29.213	20.700	5.000	7.500	1	UBND huyện Mỹ Đức	Dự phòng 1.500
2	Trường mầm non TT xã Hồng Sơn khu trung tâm	1	Mỹ Đức	2016-2018	Xây dựng 12 phòng học, nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ	1311/QĐ-UBND 11/7/2014	29.989	11.500	4.000	16.500	1	UBND huyện Mỹ Đức	Dự phòng 2.400
V.2	Dự án mới	1					29.958			9.000			
1	Trường mầm non Lê Thanh A	1	Mỹ Đức	2017-2018	Xây dựng 18 phòng học, nhà hiệu bộ, nhà bếp và các hạng mục phụ trợ	2039/QĐ-UBND 13/9/2017	29.958			9.000		UBND huyện Mỹ Đức	
VI	Huyện Phú Xuyên	2					60.189	12.500	6.000	33.000	2		
VI.1	Dự án chuyển tiếp	1					24.232	12.500	6.000	10.000	1		
1	Trường mầm non trung tâm Minh Tân	1	Phú Xuyên	2016-2018	Xây dựng 12 phòng học, nhà hiệu bộ và phụ trợ	716/QĐ-UBND 04/3/2015	24.232	12.500	6.000	10.000	1	UBND huyện Phú Xuyên	Dự phòng 2.200
VI.2	Dự án mới	1					35.957			23.000	1		
1	Trường mầm non trung tâm xã Phượng Dực	1	Phú Xuyên	2018-2020	Xây dựng 20 phòng học, nhà hiệu bộ, nhà bếp và các hạng mục phụ trợ	2913/QĐ-UBND 14/6/2017	35.957			23.000	1	UBND huyện Phú Xuyên	Bổ trí đủ mức vốn TP hỗ trợ theo NQ 02/NQ
VII	Huyện Phúc Thọ	1					14.500	8.000	4.000	5.000	1		
VII.1	Dự án chuyển tiếp	1					14.500	8.000	4.000	5.000	1		
1	Cải tạo nâng cấp trường mầm non xã Ngọc Tảo	1	Phúc Thọ	2016-2018	Nhà lớp học 12 phòng, hiệu bộ	5608/QĐ-UB 31/12/2013	14.500	8.000	4.000	5.000	1	UBND huyện Phúc Thọ	Dự phòng 1.300
VIII	Huyện Thường Tín	2					51.795	4.500	4.500	23.000	1		

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án đầu tư được duyệt		Lý kế số vốn đã bố trí/giải ngân đến hết năm 2017		Kế hoạch năm 2018	CTHT 2018	Chủ đầu tư	Ghi chú
						Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Riêng năm 2017				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
VIII.1	Dự án chuyển tiếp	1					13.894	4.500	4.500	8.000	1		
1	Trường tiểu học xã Văn Tự	1	Thường Tín	2017-2018	Xây dựng 09 phòng học, nhà hiệu bộ và hạng mục phụ trợ	6000/QĐ-UBND 28/10/2016	13.894	4.500	4.500	8.000	1	UBND huyện Thường Tín	Dự phòng 1.200
VIII.3	Dự án mới	1					37.901			15.000			
1	Trường mầm non Văn Phú huyện Thường Tín	1	Thường Tín	2018-2020	Xây dựng 13 phòng học, 10 phòng chức năng, hiệu bộ, các hạng mục phụ trợ	3287/QĐ-UBND 30/10/2017	37.901			15.000		UBND huyện Thường tín	
IX	Huyện Hoài Đức	1					13.198			12.000	1		
IX.1	Dự án mới	1					13.198			12.000	1		
1	Trường tiểu học Sơn Đồng	1	Hoài Đức	2018-2020	Nhà lớp học, nhà giáo dục thể chất và các hạng mục phụ trợ	5768/QĐ-UBND 29/8/2016; 9241/QĐ-UBND 30/10/2017	13.198			12.000	1	UBND huyện Hoài Đức	Dự phòng 1.009
X	Huyện Mê Linh	1					31.564			25.000	1		
X.1	Dự án mới	1					31.564			25.000	1		
1	Trường tiểu học Quang Minh A	1	Mê Linh	2018-2020	Xây mới 21 phòng học, các phòng bộ môn; cải tạo 14 phòng, cải tạo nhà hiệu bộ, nhà đa năng và phụ trợ	4269/QĐ-UBND 27/10/2017	31.564			25.000	1	UBND huyện Mê Linh	Bổ trí đủ mức vốn TP hỗ trợ theo NQ 02/NQ
XI	Huyện Quốc Oai	1					51.121			25.000	1		
XI.1	Dự án mới	1					51.121			25.000	1		
1	Xây mới trường mầm non Sài Sơn C	1	Quốc Oai	2018-2020	Xây dựng 18 phòng học, nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ	8082/QĐ-UBND 30/10/2017	51.121			25.000	1	UBND huyện Quốc Oai	Bổ trí đủ mức vốn TP hỗ trợ theo NQ 02/NQ
XII	Huyện Sóc Sơn	2					27.488			25.500	2		
XII.1	Dự án mới	2					27.488			25.500	2		
1	Xây dựng trường mầm non Xuân Thu (khu trung tâm)	1	Sóc Sơn	2018-2020	Xây 08 phòng học và các hạng mục phụ trợ	5487/QĐ-UBND 17/10/2016; 8595/QĐ-UBND 17/10/2017	12.988			12.000	1	UBND huyện Sóc Sơn	Dự phòng 800
2	Cải tạo, nâng cấp trường THCS Tân Minh B	1	Sóc Sơn	2018-2020	Xây 06 phòng học, nhà thể chất, cải tạo phụ trợ	5636/QĐ-UBND 26/10/2016; 8796/QĐ-UBND 31/10/2017	14.500			13.500	1	UBND huyện Sóc Sơn	Dự phòng 1.000

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Dự án đầu tư được duyệt		Lý kế số vốn đã bố trí/giải ngân đến hết năm 2017		Kế hoạch năm 2018	CTHT 2018	Chủ đầu tư	Ghi chú
						Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Riêng năm 2017				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
XIII	Huyện Thạch Thất	1					26.500			24.500	1		
<i>XIII.1</i>	<i>Dự án mới</i>	<i>1</i>					<i>26.500</i>			<i>24.500</i>	<i>1</i>		
1	Trường THCS Hạ Bằng huyện Thạch Thất	1	Thạch Thất	2018-2020	Xây dựng 20 phòng học, nhà hiệu bộ, nhà bếp và các hạng mục phụ trợ	6542/QĐ-UBND30/10/2017	26.500			24.500	1	UBND huyện Thạch Thất	Dự phòng trong TMDT là 1.300
XIV	Huyện Thanh Oai	3					44.444			25.000			
<i>XIV.1</i>	<i>Dự án mới</i>	<i>3</i>					<i>44.444</i>			<i>25.000</i>			
1	Trường tiểu học Thanh Văn	1	Thanh Oai	2018-2020	Xây mới 10 phòng học; cải tạo 04 phòng học, nhà hiệu bộ và phụ trợ	1904/QĐ-UBND 01/10/2016; 1919/QĐ-UBND 15/8/2017	14.950			8.500		UBND huyện Thanh Oai	Dự phòng trong TMDT là 1.200
2	Trường Mầm non trung tâm xã Kim An (khu trung tâm)	1	Thanh Oai	2018-2020	Xây dựng 06 phòng học, nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ	1904/QĐ-UBND 01/10/2016; 1919/QĐ-UBND 15/8/2017	14.950			8.500		UBND huyện Thanh Oai	Dự phòng trong TMDT là 1.150
3	Trường tiểu học xã Cự Khê	1	Thanh Oai	2018-2020	Xây mới nhà hiệu bộ, nhà đa năng và phụ trợ	3056/QĐ-UBND 08/10/2016	14.544			8.000		UBND huyện Thanh Oai	Dự án chưa có trong NQ02, chủ đầu tư có trách nhiệm bổ sung thủ tục thẩm định nguồn vốn trước khi thực hiện và giải ngân KH giao.
XV	Huyện Thanh Trì	1					9.912			9.000	1		
<i>XV.1</i>	<i>Dự án mới</i>	<i>1</i>					<i>9.912</i>			<i>9.000</i>	<i>1</i>		
1	Xây mới trạm y tế xã Thanh Liệt	1	Thanh Trì	2018-2020	Xây mới	6802/QĐ-UBND27/10/2017	9.912			9.000	1	UBND huyện Thanh Trì	Dự phòng 800
XVI	Huyện Ứng Hòa	2					54.312	12.000	5.000	25.000	1		
<i>XVI.1</i>	<i>Dự án chuyển tiếp</i>	<i>1</i>					<i>29.100</i>	<i>12.000</i>	<i>5.000</i>	<i>15.000</i>	<i>1</i>		
1	Trường THCS xã Hòa Nam	1	Ứng Hòa	2016-2018	Xây dựng 12 phòng học, nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ	149/QĐ-UBND28/3/2014	29.100	12.000	5.000	15.000	1	UBND huyện Ứng Hòa	Dự phòng trong TMDT là 1.900
<i>XVI.2</i>	<i>Dự án mới</i>	<i>1</i>					<i>25.212</i>			<i>10.000</i>			
1	Trường Mầm Non trung tâm xã Trầm Lộng, huyện Ứng Hòa	1	Ứng Hòa	2018-2020	Xây mới 14 phòng học, nhà hiệu bộ	1193/QĐ-UBND 30/10/2017	25.212			10.000		UBND huyện Ứng Hòa	Bổ trí đủ mức vốn TP hỗ trợ theo NQ 02/NQ

DANH MỤC DỰ ÁN THỰC HIỆN THEO CƠ CHẾ ĐẶC THÙ TỪ NGUỒN VỐN ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2018

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục công trình	Tổng số dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực Thiết kế	Dự án/CTĐT được duyệt			Lũy kế TT từ KC đến hết năm 2017	Kế hoạch năm 2018	CTHT năm 2018	Chủ đầu tư	Ghi chú
						Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư	Tr.đó: Dự phòng					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	TỔNG CỘNG	6					7.094.517	883.912	170.748	1.379.000	1		
I	QUẬN CẦU GIẤY	2					1.897.894	248.390		570.000	1		
I.1	Dự án chuyển tiếp	1					559.904	99.725		30.000	1		
1	Đường Trần Đăng Ninh kéo dài (khớp nối với khu đô thị mới Cầu Giấy)	1	Cầu Giấy			7468/QĐ-UBND ngày 09/12/2013	559.904	99.725		30.000	1	UBND quận Cầu Giấy	Cơ chế theo Quyết định số 4350/QĐ-UBND ngày 24/8/2009. (trong đó dự phòng phí 100 tỷ đồng) Quận đã ứng kinh phí GPMB: 229,713 tỷ đồng
I.2	Dự án khởi công mới năm 2018	1					1.337.990	148.665		540.000			
1	Xây dựng tuyến đường nối từ đường Cầu Giấy đến Khu đô thị mới Dịch Vọng	1	Cầu Giấy	2016-2020	L=420m; B=50m	7587/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	1.337.990	148.665		540.000		UBND quận Cầu Giấy	UBND Thành phố chấp thuận cơ chế nguồn vốn tại văn bản: số 2875/QĐ-UBND ngày 13/7/2007, số 7238/UBND-KT ngày 14/10/2015.
II	QUẬN HOÀNG MAI	2					2.989.157	271.741		453.000			
II.1	Dự án chuyển tiếp	1					2.066.796	187.890		353.000			
1	Xây dựng đường Nguyễn Tam Trinh	1	Hoàng Mai	2013-2016	L=3,56Km; B=26,75m-55m	5504/QĐ-UBND ngày 28/11/2012	2.066.796	187.890		353.000		UBND quận Hoàng Mai	Cơ chế được UBND Thành phố chấp thuận tại Quyết định số 1867/QĐ-UBND ngày 04/5/2012 NS Quận đã ứng 310 tỷ đồng (theo chấp thuận của UBND TP tại các văn bản số 2508/UBND-KT ngày 10/4/2013, 5410/UBND-KT ngày 29/7/2013, 5143/UBND-KT ngày 01/9/2016 và 1719/UBND-KHĐT ngày 13/4/2017)

TT	Danh mục công trình	Tổng số dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC - HT	Năng lực Thiết kế	Dự án/CTĐT được duyệt			Lũy kế TT từ KC đến hết năm 2017	Kế hoạch năm 2018	CTHT năm 2018	Chủ đầu tư	Ghi chú
						Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư	Tr.đó: Dự phòng					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
II.2	Dự án khởi công mới năm 2018	1					922.361	83.851		100.000			
1	Nâng cấp, mở rộng đường Linh Nam theo quy hoạch	1	Hoàng Mai	2014-2018	L=3,4Km; B=22,5m-40m	716/QĐ-UBND ngày 01/02/2013	922.361	83.851		100.000		UBND quận Hoàng Mai	Cơ chế được UBND Thành phố chấp thuận tại Quyết định số 1867/QĐ-UBND ngày 04/5/2012
III	QUẬN LONG BIÊN	2					2.207.466	363.781	170.748	356.000			
III.1	Dự án chuyển tiếp	1					985.534	221.554	170.748	256.000			
1	Xây dựng tuyến đường nối từ đường Nguyễn Văn Cừ với đê Tả ngạn sông Hồng	1	Long Biên	2014-2017	L=1,57Km; B=40m	6431/QĐ-UBND ngày 25/10/2013	985.534	221.554	170.748	256.000		UBND quận Long Biên	Cơ chế được UBND Thành phố chấp thuận tại văn bản số 9954/UBND-KH&ĐT ngày 27/12/2013. NSTP đã hoàn ứng NSQ 170.748 triệu đồng từ nguồn tăng thu hàng năm (Năm 2015: 16.406 triệu đồng, Năm 2016: 154.342 triệu đồng)
III.2	Dự án khởi công mới năm 2018	1					1.221.932	142.227		100.000			
1	Xây dựng tuyến đường 41m nối từ đường Nguyễn Văn Cừ đến hết khu tái định cư phường Ngọc Thụy, quận Long Biên	1	Long Biên	2017-2020	L=1,52Km; cầu vượt 211x12m	7588/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	1.221.932	142.227		100.000		UBND quận Long Biên	